

NGƯỜI VIỆT LÀM THƠ TIẾNG ANH

(THƠ SONG-NGỮ VIỆT-ANH)

LÊ XUÂN NHUẬN

Chúng ta đã bước vào thiên-niên-kỷ thứ ba, và sống trong một thời-đại mà các sinh-hoạt chính của mỗi nước, và do đó của mỗi người, đều có chiều-hướng *toàn-cầu-hóa*, nói nôm-na là mở cửa để tiếp-thu từ toàn-cầu, đồng-thời dần thân để hòa-nhập vào toàn-cầu.

Trong hoàn-cảnh đó, thơ là một trong các sinh-hoạt nói trên. Bởi thế, đã có khá nhiều bài thơ, tập thơ, hợp/tuyển-tập thơ, của khá nhiều nhà thơ, từ tiếng nước mình được dịch sang tiếng nước ngoài.

Một trong những ngôn-ngữ thông-dụng nhất trên thế-giới hiện nay là tiếng Anh. Cho nên, ngoài thơ của các tác-giả nói-tiếng-Anh (như Anh, Mĩ, Úc...) từ lâu đã có khá nhiều thơ của các người nước khác được dịch sang tiếng Anh.

Trong thời-gian qua, Việt-Nam cũng đã bắt đầu giới-thiệu thơ của mình với người nước khác, bằng cách sáng-tác trực-tiếp, hoặc phiên-dịch (hay chuyên-ngữ) từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Có sáng-tác bằng tiếng Anh hay phiên-dịch qua tiếng Anh, thì mới mong được người nước ngoài đọc đến, chia-sẻ với chúng ta những gì mỗi một nhà thơ, đại-diện phần nào cho dân-tộc Việt-Nam, tâm-hồn Việt-Nam, dù trong một hoàn-cảnh nhất-định, gửi-gắm trong từng vần điệu thi-ca.

I

Về thơ tiếng Anh của Người Việt Hải-Ngoại, ta thấy có hai nguồn song-song:

▶ thơ trực-tiếp *sáng-tác* bằng tiếng Anh, và

▶ thơ *phiên-dịch* hay *chuyên-ngữ* sang tiếng Anh.

Thơ trực-tiếp sáng-tác bằng tiếng Anh thì được phổ-biến qua ba con đường: đăng-tải rời-rạc, in chung trong các tuyển-tập, và xuất-bản thành tập riêng.

Vi là thơ sáng-tác bằng tiếng Anh, nên các tác-giả đã đi thẳng vào các tạp-chí thi-ca của Mĩ, các diễn-đàn/nhà-mạng thi-ca của Mĩ thực-hiện trên mạng lưới thông-tin toàn-cầu, các tuyển-tập thơ quốc-tế của Mĩ, Anh; cũng như xuất-bản thành tập theo cung-cách của phương Tây.

Riêng thơ tiếng Anh đã được ấn-hành thành tập, thì ta thấy có các tác-giả và dịch-giả cũng như tuyển-tập sau đây:

Barbara Tran với thi-tập *sáng-tác* “*IN THE MYNAH BIRD’S OWN WORDS*” xuất-bản ở Hoa-Kì năm 2002;

Bright Quang với các thi-tập *sáng-tác* “*POETRY AND ART*” ấn-hành ở Redwood City, Bắc California (USA) năm 1998, “*MY TORCH*” (*Ngọn Đuốc của Tôi*) năm 2003;

Christine Sa với thi-tập *sáng-tác* “*THE PARTING YEAR*” xuất-bản ở Toronto, Canada;

Du Tử Lê với một số thi-tập: “*HOA NÀO TIN QUÁ ĐÁNG ĐẾN KHÔNG NGỜ*”

/ FLOWERS CAN'T BELIEVE FRUITS WOULD GROW THAT BITTER” do Như Hạnh, Nhan Chung *chuyển-ngữ*, xuất-bản ở Mỹ năm 1999, “TRƯỜNG KHÚC MẸ VỀ BIỂN ĐÔNG/ TRIBUTES TO MOTHER ON HER WAY HOME VIA PACIFIC OCEAN” do Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khánh *chuyển-ngữ*, năm 2002, v.v...;

Đình Linh với các thi-tập sáng-tác “ALL AROUND WHAT EMPTIES OUT” xuất-bản năm 2004, “AMERICAN TATTS” năm 2005, “BORDERLESS BODIES” năm 2006;

Đỗ Vinh [Joseph Đỗ Vinh Tài] với thi-tập *sáng-tác* “GREEN PLUMS” xuất-bản ở California (USA) năm 2005;

“FLOWERS OF LOVE / FLEURS D’AMOUR” (Cụm Hoa Tình Yêu), tuyển-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyển-ngữ*, Tập I (40 tác-giả), Tập II (45 tác-giả), Tập III (66 tác-giả); Tập IV (32 tác-giả); với các *tác-giả tiếng Anh*: Đình Duy Phương, Doan Nam Nhan, Hoài Việt, Hoàng Hoa, Hồng Phương, Hương Nam, Kim Phương Tran, Lê Khắc Lý, Lê Sỹ Đông, Lê Trọng Nghĩa, Lê Văn Ba, Lưu Hoài, Lưu Trần Nguyễn, Ly Châu, Như-Hoa, Nguyễn Phúc Sông Hương, Nguyễn Thị Sen Trắng, Nguyễn Thùy Linh, Paul Cao, Phạm Ngọc, Phạm Nhã Dự, Thanh-Thanh, Thu-Vân, Tina Thanh Hương, Trac Pham, Trần Tịnh Như, Tyna, Vinh Hồ,; với các *dịch-giả*: Ali Smaoui, Be Davison Herrera, Charles Nguyen, Christopher Vũ, Du Phước Long, Duy Tường, Đào Thanh Khiết, Elsie Whitlow Feliz, Hoài Việt, Huỳnh Sanh Thông, Joyce Odam, Lê Cao Phan, Lê Sỹ Đông, Ngọc Nguyệt, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Đại Thanh, Nguyễn Đắc Khoa, Nguyễn Trọng Bình, Nhã Dự, Như Hoa, Nhựt Nguyệt, Phạm Ngọc, Phạm Phan

Thị Bạch Nga, Thanh-Thanh, Thu Vân, Trần Minh Hiền, Võ Tinh, Võ Thị Xuân Hiệp, Vũ Đức Tô Châu, Vũ Lang, Ý Nga; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam” của Như-Hoa Lê Quang Sinh ấn-hành, ở Sacramento, Bắc California (nay đã dời qua Dallas, Texas), USA;

Hà Huyền Chi với tập thơ song-ngữ “SHARPENING THE SWORD ON THE SIDELINE” (Bên Trờì Mài Kiếm) do Ngô Đình Chương *phiên-dịch*, Đàm Trung Pháp hiệu-định, ấn-loát ở Washington, và “THE BEST OF HA HUYEN CHI” do Bình Nhung *phiên-dịch*; xuất-bản ở Hoa-Kì;

Hạ Ái Khanh với thi-tập “SPEECHLESS (NGHEN NGÁO)” *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* dưới bút-danh Dien Viet Duong [Duong Viêt Điền], xuất-bản năm 1998;

Hoa Nguyen với các thi-tập *sáng-tác* “YOUR ANCIENT SEE THROUGH” năm 2002, “AS LONG AS TREES LAST” xuất-bản tại Hoa-Kì năm 2012, “HECATE LOCHIA” năm 2012, RED JUICE năm 2014;

Hoàng Du Thụy trong các tuyển-tập *sáng-tác*: “A BREAK IN THE CLOUD” xuất-bản năm 1993, và “DANCE ON THE HORIZON” năm 1994;

Hoàng Ngọc Văn với thi-tập *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* “CUỘC ĐỜI (ONE'S LIFE)” ra mắt tại San Jose, California (USA);

Huyền Chương Quý với tập thơ tự *chuyển-ngữ* “KHÁT VỌNG TỰ DO” (*The War and The Americas in My Country*);

Huỳnh Sanh Thông biên-khảo *phiên-dịch* “AN ANTHOLOGY OF VIETNAMESE POEMS - FROM THE ELEVENTH THROUGH THE TWENTIETH CENTURIES” xuất bản ở New Haven, Connecticut (USA) và London (Anh);

Joseph Do Vinh Tài với các tập thơ Mi-

Việt sáng-tác và chuyển-ngữ “GREEN PLUMS” (Đào Non) “APOLOGIES TO THE MOON” (Tạ Tội Cùng Trăng), do Broken-Heart Press ấn-hành năm 2008;

Khê Iêm với tác-phẩm “BLANK VERSE (THƠ KHÔNG VẤN)” cùng Đỗ Vinh phiên-dịch ấn-hành ở California (USA) năm 2006;

Kim Vũ với các thi-tập Việt-Anh sáng-tác và tự chuyển-ngữ “SUCH IS MY LOVE, SWEETHEART” (Tình Anh Như Thế Đây), “WHEN I LOVE YOU” (Khi Yêu Em); và các tuyển-tập “VIETNAMESE POETRY: A SAMPLER” (Việt Nam: Những Áng Thơ Tuyệt Tác), “THE FINEST PIECES OF MODERN VIETNAMESE POETRY” (Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiện Đại) do Kim Vũ phiên-dịch, tự xuất-bản, ở San Jose, Bắc California, (USA);

Lại Thanh Hà sáng-tác “INSIDE OUT & BACK AGAIN” (Đi Rồi Lại Về) tiểu-thuyết bằng 121 bài thơ, xuất-bản năm 2011;

Lê Phạm Lê với các thi-tập sáng-tác “FROM WHERE THE WIND BLOWS” (Gió Thổi Phương Nào) và “WAVES BEYOND WAVES” ấn-hành ở San Francisco, Bắc California (USA);

Lê Thị Thâm Vân (Lê Thị Hoàng Mai) với thi-tập sáng-tác “YELLOW LIGHT” xuất-bản năm 1998;

Lê Văn Tài với tuyển-tập sáng-tác “EMPTY ARMS SURROUNDED BY WARM BREATH” ra mắt năm 1987;

Linh Đình (Đình Hoàng Linh) với các tác-phẩm sáng-tác “DRUNKARD BOXING” (Võ Say) xuất-bản năm 1998, “A SMALL TRIUMPH OVER LASSITUDE”, “A GLASS OF WATER”, đều ở Philadelphia, Pennsylvania (USA), năm 2001;

“LOVE POEMS” (Thơ Tình), tuyển-tập

chuyển-ngữ, xuất-bản ở Nam California (USA);

Mai Nguyên với tuyển-tập-thơ sáng-tác và phiên-dịch “VAP” (?);

Minh Viên với các thi-phẩm “THE UNHEALED WOUND” (Vết Thương Chưa Lành), “A NIGHTMARE WAR” (Cuộc Chiến Ác-Mộng), “BLUE RAIN” (Mưa Xanh), sáng-tác, ấn-hành ở San Francisco, Bắc California, Hoa-Kì, v.v...;

Mộng Lan với thi-tập sáng-tác “SONG OF THE CICADAS” xuất-bản ở Massachusetts (USA) năm 2001;

Ngô Đình Chương với “QUIET ALLEY IN THE EVENING” (Chiều Đêm Xóm Vắng), song-ngữ, do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Nguyễn Đỗ với hợp-tuyển-tập “THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI” cùng Paul Hoover chuyển-ngữ, do University of Iowa ấn-hành;

Nguyễn Mạnh Quang với “A POEM FOR MY CHILDREN” (Bài Thơ Cho Con) do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, xuất-bản ở Tacoma, Washington (USA);

Nguyễn Phúc Sông Hương (Thái Luân) với “AMONG PEOPLE” (Giữa Những Con Người), sáng-tác trực-tiếp, xuất-bản ở Sacramento, Bắc California (USA) năm 1995;

Như-Hoa Lê Quang Sinh với “THE OLD DAYS / LE VIEUX TEMPS” (“Chuyện Ngày Xưa”), thi-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, với các dịch-giả: Duy Tường, Lê Sỹ Đông, Như Hoa, Thanh-Thanh, Thu Vân; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam Quốc-Tê” xuất-bản, ở Sacramento, Bắc California (USA);

Ngô Tăng Giao tự chuyển-ngữ các tập thơ “MƯA XUÂN” ấn-hành năm 2000,

“*HƯƠNG MÙA VU LAN*” năm 2007;

Nguyễn Chí Thiện với các tác-phẩm được Nguyễn Ngọc Bích *phiên-dịch* sang tiếng Anh: “*NGỤC CA / PRISON SONGS*” xuất-bản năm 1982, “*HOA ĐỊA NGỤC / THE FLOWERS OF HELL*” năm 1996, “*HẠT MÁU THƠ / BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” năm 1996;

Nguyễn Hữu Lý đã *chuyển-ngữ* và cho ra đời các tác-phẩm: “*TÌNH MẸ TRONG THƠ VIỆT NAM: Collection of Poems on Motherly Love*”, “*QUÊ HƯƠNG QUA THI CA: Anthology of Homeland in Vietnamese Poetry and Songs*”, “*XUÂN VÀ TUỔI TRÉ VIỆT NAM: Anthology of Springs and Youth of Vietnam*”, do Nhóm Văn Hóa Pháp-Việt ở Paris giới-thiệu, và “*NHỮNG CON ĐƯỜNG LƯU VONG: Les Sentiers de l'Exile - The Paths of Exile*”, do Hội Thơ Tài Tử Việt Nam của Như Hoa *phổ-biến*;

Nguyễn Ngọc Bích với các tác-phẩm biên-khảo và *phiên-dịch*: “*THE POETRY OF VIETNAM*” xuất-bản năm 1969, “*A THOUSAND YEARS OF VIETNAMESE POETRY*” năm 1975, “*A MOTHER'S LULLABY*” (“*Trường Ca Lời Mẹ Ru*” của Trương Anh Thụy) năm 1989, “*THE FLOWERS OF HELL*” (“*Hoa Địa Ngục*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1995, “*BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” (“*Hạt Máu Thơ*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1996, v.v...;

Phan Nhiên Hạo với các thi-tập *sáng-tác* “*PARADISE OF PAPER BELLS*” xuất-bản năm 1998, “*MANUFACTURING POETRY*” năm 2004, v.v...;

Song Hồ (Nguyễn Thanh Dam) với “*ROCK AND FLOWER*” tự *phiên-dịch* từ “*Đá và Hoa*” (1992), xuất-bản năm 2000;

Thanh-Thanh (Nhuan Xuan Le) với

“*VIETNAMESE CHOICE POEMS*” (tuyển-tập 146 bài *thơ* tiếng Anh, dịch từ nguyên-tác *thơ* tiếng Việt của 81 tác-giả hiện sống tại Mỹ, Gia-Nã-Đại, Úc, Pháp, Đức, Bỉ, Na-Uy, Việt-Nam), là tập-hợp *hiều nhất* số thi-sĩ và số bài dịch sang *thơ* Anh, do Nhà Xlibris ở Indiana (USA) xuất-bản năm 2013; được Nhà Tổng-Phát-Hành Amazon đưa vào danh-sách “*Favorite Books of the Year*” trong Mục “*Best Books of 2014*”;

“*THE SILENCE OF YESTERDAY*” (*Sự Im-Lặng của Ngày Hôm Qua*), song-ngữ, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyên-ngữ*, của 22 tác-giả, với các *tác-giả tiếng Anh*: Ngô Đức Diễm, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Ý Yên; với các *dịch-giả*: Hoài Vân Tử, Huỳnh Sanh Thông, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Thy Vũ, Vĩnh Sinh, Vi-Khuê, Võ Đình, Ý Yên; do “*Cơ-Sở Thi Văn Cội Nguồn*” của Song Nhị và Diên Nghị giới-thiệu, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Thoại Q. Tran (Trần Quý Thoại) có các thi-tập *sáng-tác*: “*RANDOM THOUGHTS*” xuất-bản năm 2000), “*QUE SERA*” năm 2001, “*REFLECTIONS*” năm 2001;

“*TÌNH YÊU, CUỘC SỐNG VÀ LƯU ĐÀY (LOVE, LIFE, and...)*” *thơ* Việt-Anh;

Trang Đài Glassey-Trầnnguyễn với 3 tập *thơ*: “*ANH HOA*” Anh-Việt tự *chuyển-ngữ*, ấn-hành ở Saigon năm 1967, tái-bản ở Mỹ năm 2005; “*MARS & VENUS*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2001; “*IN HARMONY*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2008;

Trần Mộng Tú với 2 bài *thơ* “*THE GIFT IN WARTIME*” (*Quà Tặng Trong Chiến Tranh*) và “*DREAM OF PEACE*” (*Giấc Mơ Hòa Bình*) do Vann Phan *phiên-dịch* sang

Anh-ngữ; bài trước được in trong “*American Literature Textbook*” (sách giáo-khoa, của nhà xuất-bản Mĩ Glencoe/Mc.Graw-Hill), bài sau được in trong “*Vision of War, Dream of Peace*” là tuyển-tập thơ của các cựu Nữ Quân-Nhân và Y-Tá phục-vụ trong Chiến-Tranh Việt-Nam;

Trúc Lang [Vĩnh Đỗ] với thi-tập *sáng-tác* “*SEA AND SKY*” do Ngày Nay xuất-bản năm 2005;

Trương Anh Thụy với thi-tập song-ngữ “*GỬI MUA CHO NẮNG*” tự *chuyển-ngữ* sang tiếng Anh;

Vĩ Khuê với “*POEMS IN RAIN & FLOWERS*” (*Thơ Trong Mưa & Hoa*), thi-tập song-ngữ, với các *dịch-giả*: Bernard Detrez, Chử Nhất Anh, Chử Nhị Anh, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Huỳnh Diệp, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phương Viên, Thanh-Thanh, Trần Nhã Hoa, Tường Minh, Vĩ Khuê, Võ Đình, Vũ Đức; do “Sao” xuất-bản, ở Virginia (USA);

Vĩnh Liêm với tập thơ “*WITHOUT BEGINNING WITHOUT END*” (*Vô Thủy Vô Chung*), do Nhà Lulu xuất-bản năm 2008;

Võ Đình (Võ Đình Mai) *phiên-dịch* sang Anh-ngữ: tập thơ Thiền của Thích Nhất Hạnh “*ZEN POEMS OF NHAT HANH*” xuất-bản ở N. Carolina, năm 1976; 18 bài thơ thiền từ chữ Hán “*FRAGRANCE OF ZEN / HUONG THIÊN*” ở Los Angeles, năm 1981; (cùng Công Huyền Tôn nữ Nha Trang) 30 bài thơ Thiền và Kệ (của các Thiền sư Việt Nam) “*MỘT CẢNH MẠP*” ở Paris và San Jose, California (USA) năm 2005;

Vũ Hối có tập thơ “*VÂN THO MÀU TRẮNG*” (*La Poesie de Couleur Blanche*) *phiên-dịch* sang Anh- và Pháp-ngữ, xuất-bản tại Sài-Gòn năm 1959;

*

“*WORLD POETRY*” (*Thơ Thế-Giới*) do “*Quality Paperback Book Club*” (Câu-Lạc-Bộ Sách Bìa Mỏng) ở New York xuất-bản, là một hợp-tuyển-tập thơ, trong đó có một số bài do Nguyễn Ngọc Bích *chuyển-ngữ* từ tác-phẩm của một số tác-giả Việt-Nam, từ xưa như Hồ Xuân Hương, Khuông Việt, Lê Thánh Tông, Mãn Giác, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Trần Tế Xương Vạn Hạnh, đến *tiền-chiến* (Đệ-Nhị Thế-Chiến) như Thế Lữ, Tú Mỡ, đến cả những tác-giả *mới* như Đoàn Văn Khâm, Hà Thị Thào, Lê Ngọc Hiệp, Nguyễn Văn Lạc. Trong số những nhà thơ kê trên, có một tác-giả còn sống, được nhiều người chú í, mà lại là thành-viên của Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn tại Hải-Ngoại, đó là Du Tử Lê.

V.v...

II

Sách nói chung, thơ nói riêng, mà được kí-nạp tại *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Kỳ*, thư-viện của các trường đại-học Mĩ cũng như các nước khác, là một hình-thức và phương-tiện phổ-biến văn-hóa, nếu không muốn nói là tuyên-truyền, rất hữu-hiệu.

Hiện nay, số sách [trong đó có thơ] của Việt-Nam *nội-địa* thì đã hiện-diện tại các nơi ấy rất nhiều, trong lúc sách của *Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn Cộng-Sân ở Hải-Ngoại* thì ít hơn.

Riêng *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Kì* được xem như là thư-viện chung cho cả

hoàn-cầu.

Do đó, có một số nhà thơ, và nhà xuất-bản, muốn phổ-biến rộng-rãi tác-phẩm của mình, đã không chỉ trông-cậy vào các buổi trình-mại sách, các bài giới-thiệu trên báo & đài, các sạp bày bán, mà còn gửi tặng cho càng nhiều thư-viện càng tốt – hiển-nhiên *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì* là nơi lí-tưởng nhất.

Các thi-sĩ, và nhà xuất-bản mà chỉ lâu lâu mới xuất-bản một tập thơ, thì việc có hay không có kí-nạp sách của mình vào *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì*, không thành vấn-đề; nhưng có một số nhà xuất-bản *in sách thường-xuyên* mà lại không chú-í đến vấn-đề này thì là một nhược-điểm. Nhà xuất-bản “*Xây-Dựng*” của Thanh-Thanh, Cơ-Sở Thi Văn “*Cội Nguồn*” của Song Nhị, nhà xuất-bản “*Sao*” của Vi Khuê, thì có lưu-tâm đến nơi lưu-trữ bảo-đảm và trường-cửu ấy cho tác-phẩm của mình; còn “*Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam*” của Như Hoa, nhà xuất-bản “*Phương Đông*” của Dương Huệ Anh, Tủ Sách “*Phụ Nữ Thời Nay*” của Diễm Châu, thì không kí-nạp sách của mình vào kho tàng văn-học và văn-hóa ấy của toàn-cầu, thật là đáng tiếc.

Để giải-quyết vấn-đề này, chúng tôi đề-nghị các tác-giả, các Hội Văn-Học Nghệ-Thuật, các nhà xuất-bản, dù là chuyên-nghiệp hay tùy-hứng, của Người Việt Hải-Ngoại, lưu-í kí-nạp ân-phẩm của mình vào *Thư-Viện* nói trên (vì có khá nhiều tác-phẩm giá-trị hiện-diện trên thị-trường mà không có mặt trong thư-viện ấy).

Riêng về việc ghi danh vào *Thư-Mục Quốc-Tế* và kí-nạp vào *Thư-Viện*, xin đề-nghị lập thủ-tục xin số “ISBN” (*International Standard Book Number*) và cả số “LCCN” (*Library of Congress*

Control Number), để người nghiên-cứu dễ tìm thấy sách của mình trong thư-viện minh-mông.

III

Đã nói về thơ thì không thể không nói về *thể thơ, văn thơ*.

Thơ Anh cũng như thơ Việt đều có cả *thơ-có-vần* lẫn *thơ-không-vần* (tức *thơ tự-do, thơ buông, thơ văn xuôi*, v.v...).

Nhìn qua các bài tiếng Anh đã có, dù là *sáng-tác* trực-tiếp hay *phiên-dịch*, chúng tôi thấy rõ phần nhiều đều *không có vần*. Có thể tác-giả và dịch-giả cho đó là *thơ tự-do*; nhưng, theo chúng tôi nghĩ, tuy có hình-thức là câu văn xuôi như nhau, nhưng các câu *thơ* phải có cái gì khác hơn một đoạn *văn xuôi* – vì nếu chỉ là văn xuôi thì hóa ra đoạn văn nào, trong một bài dài, trong một đoạn dài, mà chỉ cần được ngắt câu xuống hàng, thì cũng đều là *thơ-không-vần*?

Đó là chưa kể, dù là văn xuôi, trong nhiều trường-hợp, chính các tác-giả là người Mĩ (Anh, Úc) chính-thống mà cũng còn cần phải được các *nhà viết thuê* (ghost-writer) hiệu-chỉnh, huớng gì chúng ta đa-số không phải là dân sinh ra đã nói/viết tiếng Anh, mà nay lại làm *thơ tiếng Anh*. (Xin xem về nạn dùng sai chữ, dịch phản nghĩa, viết trật văn-phạm tiếng Anh ở phần dưới).

Tuy nhiên, nói thế không phải là để chúng ta ngại-ngần trong việc làm *thơ tiếng Anh* hay dịch *thơ tiếng mình sang thơ tiếng Anh*.

Xin đề-nghị các bạn hãy mạnh-dạn *sáng-tác* trực-tiếp, hoặc đẩy mạnh việc *chuyển-ngữ* các tác-phẩm của mình qua tiếng Anh, bắt đầu bằng từng bài một. Có ai mà không có dịp gặp-gỡ chuyện-trò với người nước ngoài; và nếu

mình được giới-thiệu là một nhà-thơ mà lại có sẵn cả bản tiếng Anh để đưa cho họ đọc thì cả họ lẫn mình sẽ thích-thú đến ngần nào; huống hồ đăng lên báo, in thành sách, gửi vào thư-viện cho mọi người có thể đọc được, tức là góp phần giới-thiệu văn-học, văn-hóa của nước mình, đến độc-giả các nước ngoài

*

Về việc *phiên-dịch/chuyển-ngữ* thơ, dịch-giả không phải chỉ cần *giỏi tiếng Anh*, mà còn cần phải *sành thơ, biết thêm đặc-ngữ, điển-tích*, v.v...

Xin đơn-cử vài thí-dụ:

1) Trong cuốn “The Silence of Yesterday” (*Sự Im Lặng của Ngày Hôm Qua*) của “Cội Nguồn”, có bài thơ tiếng Việt “*Lui Về Tiên Sĩ*” của Khang Lang, trong đó có đoạn “Ta, hề!” Một dịch-giả được gọi là học-giả, đã dịch 2 chữ “*Ta, hề*” ra là “*It's laughable!*” (Nực cười thay!). Người rành thơ Việt hẳn biết giai-thoại Kinh Kha với các câu “Phong tiêu tiêu *hề*, Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ *hề*, bất phục hoàn” (*Gió hiu hắt thổi, sóng Dịch lạnh, Tráng sĩ ra đi không trở về*). Nhiều thi-sĩ Việt đã dùng chữ “*hề*”, thí-dụ Trần Hoan Trinh trong bài “Tráng Sĩ Hành Ca”:

Vung kiếm ta ca, *hề*, Sát Thát
Vỗ gươm ta hát, *hề*, Nam chinh
Vẫy súng ta thề, *hề*, Bắc phạt
Gãy đàn, ta mơ, *hề*, thái bình...

Có người Việt-hóa (Nôm-hóa) chữ “*hề*” thành chữ “*chừ*”, thí-dụ Minh Đức dịch bài “*Phóng Cuồng Ngâm*” của Tuệ Trung Thượng Sĩ, với các câu:

Trời đất liếc trông *chừ*, ôi mệnh mang!

Chống gậy rong chơi *chừ*, phương ngoài phương

Dạo chôn cao cao *chừ*, mây đỉnh núi
Hoặc nơi sâu sâu *chừ*, nước trùng dương...

Chữ “*hề*” ở đây không có nghĩa là “*làm hề*”, “*như một tên hề*”, mà là một thán-từ (interjection) tương-đương với “*Hey! Ho!*” trong tiếng Anh, dùng để nhấn mạnh một cảm-xúc, trong các lời ca, tiếng hát, thí-dụ Ban Nhạc The Lumineers của Mỹ nổi tiếng với bài:

(*Ho!*) I've been trying to do it right
(*Hey!*) I've been living a lonely life
(*Ho!*) I've been sleeping here instead
(*Hey!*) I've been sleeping in my bed...

2) Trong cuốn “*Ru Thâm Tiếng Gọi Việt Nam*” của Ngọc An, có bài thơ “*Biển Nhớ*” trong đó có câu “Bao nhiêu hạnh phúc chất chiu, Đào Nguyên một thuở Nguyễn Lưu lạc đường”, mà người dịch, được giới-thiệu là một giáo-sư tiến-sĩ, đã dịch ra là “So much bliss had been spared, Of a happy land, now Nguyen Luu lost his way!” lại còn chú-thích là: “Nguyen Luu, an imaginary person in a historical myth who had visited the paradise in Heaven” (Nguyễn Lưu là một nhân-vật tưởng-tượng trong thần-thoại lịch-sử cho rằng ông đã viếng thăm thiên-đường trên Trời). Nguyễn Lưu thực ra à Lưu+Nguyễn, là hai nhân-vật Lưu Thần và Nguyễn Triệu, đời Hán, đã từng lạc vào Thiên-Thai, chứ không phải là một ông Nguyễn Lưu.

3) Trong tác-phẩm “*cuối đời*” của Hà Huyền Chi, “*The Best of Ha Huyen Chi*”, người dịch, cũng là nhà-thơ/nhà-văn, đã dịch bừa-bãi rất nhiều câu thơ trong nhiều bài thơ. Vài thí-dụ: Bài số 591, có câu “*Dăm thùng sách mới nằm say ngủ*”, mà lời dịch là “Some new book boxes do not open” (Mấy thùng sách mới không mở ra). “*Open*” là một ngoại/tha-động-từ (mở

[cái gì] ra), mà “thùng sách” là tĩnh-vật, không thể làm chủ-từ cho “open”, làm sao tự mở ra được. Bài số 592, có câu “*Nói gì câu đã mòn sông cạn*”, mà lời dịch là “We no need to talk about the fervid loyalty”. Nếu “need” là danh-từ thì nó phải là “We don't have the need to”; nếu nó là động-từ thì nó phải là “We don't need to”; không thể nói/viết “We no need”. Bài 594, có câu “*Yêu nhau là chuyện hoang đường, Không yêu đời lãng, lại thương tiếc đời*”, mà lời dịch là “*Falling into our affections are a fabulous story, But if we do not love We will be regret all our lives*”. Động-danh-từ “falling” là số ít, làm chủ-từ cho “to be”, thì “to be” phải ở số ít (“is”) chứ không thể ở số nhiều (“are”); “to be” là động-từ bất-quy-tắc, nếu đứng trước một động-từ thứ hai, thì động-từ thứ hai phải ở thể tiến-hành (“be regretting”) hoặc quá-khứ phân-từ (be regretted),...

*

Riêng về việc sáng-tác trực-tiếp hoặc chuyển-ngữ thơ Việt qua tiếng Anh, mà muốn thành thơ có vần, chúng tôi xin các bạn để ý một điểm, đó là vần thơ (rhyme) trong tiếng Anh.

Lâu nay, có nhiều bài thơ tiếng Anh mà tác-giả và dịch-giả người Việt muốn viết ra như-có-vần nhưng đều thực-sự không-có-vần.

Tiếng Anh là tiếng đa-âm, tiếng Pháp cũng là tiếng đa-âm, nhưng có sự khác nhau là trong tiếng Pháp thì âm (syllable) nào cũng được phát-âm (nhấn giọng) như nhau, giống như các âm trong các từ đa-âm của tiếng Việt; ngược lại, trong tiếng Anh thì chỉ có một hoặc một số âm là được nhấn giọng (stress, emphasize), còn các âm khác thì không được nhấn

giọng cho nên không được xem là một âm trong việc chọn âm để định vần cho thơ.

Thí-dụ:

“happy” (Anh) và “heureux” (Pháp) là sường thỏa,

“merry” (Anh) và “joyeux” (Pháp) là hề-hả,

Xét trong tiếng Việt, thì “sường thỏa” và “hề-hả” ăn vần với nhau, vì ta dùng các âm cuối là “thỏa” và “hả”; cũng như trong tiếng Pháp thì “heureux” và “joyeux” ăn vần với nhau, vì Pháp dùng các âm cuối là “reux” và “yeux” để làm vần cho thơ.

Còn trong tiếng Anh thì, ngược lại, vì các âm cuối “py” (trong “happy”) và “ry” (trong “merry”) là âm không được nhấn giọng, nên không được dùng làm vần cho thơ; trong lúc đó thì “hap” (trong “happy”) và “mer” (trong “merry”) mới là âm được nhấn giọng, nhưng chúng lại không ăn vần với nhau, vì một bên là “hap” và một bên là “mer”; do đó, “happy” và “merry” tuy đều tận cùng bằng âm “y” (py vary) nhưng vì “hap” và “mer” không ăn vần với nhau, nên ta không thể dùng “happy” và “merry” làm 2 âm cuối-cùng cho 2 câu thơ có vần.

*

Tóm lại, chúng ta cần sáng-tác trực-tiếp hoặc phiên-dịch hay chuyển-ngữ thơ tiếng Việt sang tiếng Anh, để tiếng nói đầy tình-tự dân-tộc của Người Việt nói chung, của Người Việt Hải-Ngoại nói riêng, không bị quên lãng, hoặc bị lấn-át bởi tiếng nói phi-dân-tộc, trước “bốn biển, năm châu”, trong bối-cảnh toàn-cầu-hóa mọi sinh-hoạt hiện nay.

LÊ XUÂN NHUẬN

Hội-viên Văn-Bút Quốc-Tế, PEN Center

USA

Tại sao Hà Nội phải ra lệnh cấm nói tục

VĂN QUANG

Trong tuần cuối tháng 6 vừa qua, tất cả các phương tiện thông tin ở VN, từ báo lớn đến báo nhỏ, từ báo mạng đến báo in, từ các trang mạng cá nhân cũng như đoàn thể đang sôi sục bàn tán đến chuyện Hà Nội cấm nói tục. Vấn đề đáng suy nghĩ ở đây là tại sao tất cả các tỉnh thành khác không có chuyện các cơ quan công quyền và cơ quan chuyên môn như các sở Thể Thao Văn Hóa phải quan tâm đến vấn đề này. Thế ra chỉ có “thủ đô yêu quý” Hà Nội nói tục thôi sao? Mời bạn đọc cùng tìm hiểu câu trả lời.

Hà Nội xưa nay vốn nổi tiếng là “đất Thăng Long ngàn năm văn vật”, trai thanh gái lịch không đâu bằng. Ấy thế mà bỗng dưng nó trở thành nơi nói tục nhất nước. Theo bản “nghiên cứu” của nhiều tờ báo như VNNet 26-6-2015, Báo Đất Việt 25-6-2015... thì:

“Từ công sở, trường học đến hàng quán, bến xe, ngõ hẻm, đâu đâu cũng thấy nói tục, chửi bậy. Nhiều người còn coi đó như một thói quen, không nói là thấy... thiếu thiếu”.

Tình trạng “chửi bậy như hát hay” đang ngày càng lan rộng tại khắp các môi trường. Bởi vậy nên Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) TP Hà Nội mới có văn bản “xử lý người nói tục”

Hà Nội xử lý người nói tục nơi công cộng

Theo báo Hà Nội mới ngày 17-6-2015 đã đưa tin:

“Trước phản ánh về tình trạng một số bạn trẻ, nghệ sỹ nói thô tục nơi công cộng, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao đơn vị liên quan có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội. Việc thành phố ra văn bản nêu trên xuất phát từ nội dung phản ánh tình trạng một bộ phận các bạn trẻ là học sinh, những ca sỹ, người dẫn chương trình... có những lời nói thô tục, ứng xử không văn hóa nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của thành phố.

Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã kiểm tra, xem xét, có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội.

Trước đó, giữa năm 2014, UBND TP Hà Nội ban hành Quy chế thực hiện Kỷ cương hành chính và Văn hóa công sở tại Văn phòng UBND thành phố. Mục đích của việc ban hành quy chế trên nhằm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đặc biệt nội dung quy chế yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức trong giao tiếp, ứng xử phải có thái độ lịch sự, tôn trọng,

trung thực, thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp. Ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc và không nói tục, dùng tiếng lóng, quát nạt.

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc”.

Quy chế đã ban hành cả năm rồi, nhưng mãi đến nay tình trạng này ngày càng trở nên nhức nhối như cái nhọt ung thư của xã hội đang chấy mủ, đó thật sự là sự xuống dốc thê thảm của văn hóa thủ đô, bộ mặt của cả nước.

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu xem cái nhọt ung thư đó hình thành từ bao giờ?

Tình trạng chửi tục nói bậy bắt đầu từ sau năm 1975

Tôi chứng minh điều này qua nhận định của một nhân vật là dân Hà Nội chính cống. Đó là ông Nguyễn Ngọc Tiến – ông này cũng là một nhà văn của Hà Nội ngày nay–. Ông nói:

“Tôi đã sống, trải qua quãng thời gian dài ở Hà Nội và có thể khẳng định chắc chắn, những thập niên 1960, 1970 thanh niên ra đường ăn nói rất lịch sự, đàng hoàng, không có tình trạng những từ tục tữ tràn lan trong xã hội.

Tuy nhiên, bây giờ Hà Nội không chỉ là những người sinh ra, lớn lên ở Hà Nội mà tập hợp những người đến từ rất nhiều nơi. Tôi nhận thấy sự thay đổi trong cách ứng xử, giao tiếp của những người sống ở Hà Nội bắt đầu diễn ra từ thập niên 1980 và kéo dài đến bây giờ. Tình trạng văng tục cũng nhiều hơn trước kia”.

Và ông nhà văn Hà Nội này lý giải: “Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, bắt nguồn từ xã hội, gia đình, nhà trường. Từ thập niên 1980, bắt đầu có sự thay đổi lớn trong quan niệm của mỗi cá nhân. Người ta thấy mình được tự do ăn nói hơn mà không bị ràng buộc bởi nhiều nề nếp.

Nhà trường thì quan tâm đến điểm số, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến nhiều hơn việc giáo dục cách ứng xử cho các em. Trong mỗi gia đình, việc mưu sinh chiếm ngày càng nhiều thời gian, gánh nặng, nên chuyện dạy dỗ con cái cũng bị hạn chế phần nào.

Nhưng còn một nguyên nhân nữa đó là việc giáo dục cộng đồng hiện đang bị mất dần. Ngày xưa, nếu người lớn ra đường thấy trẻ con nói tục, chửi bậy có thể nhắc nhở, thậm chí trách mắng chúng, cho dù đó là những đứa trẻ xa lạ. Và những đứa trẻ ấy chỉ còn cách nhận lỗi chứ không dám cãi lại, dù đó là người lớn chưa quen biết.

Nhưng bây giờ, sự giáo dục của người lớn với con trẻ trong cộng đồng không còn nữa. Nếu người lớn xa lạ thấy trẻ con văng tục mà nhắc nhở thì rất dễ gặp phải sự phản ứng tiêu cực của chúng.

Nên những người lớn tuổi cũng không mấy ai nhắc nhở con trẻ những chuyện đó ở nơi cộng đồng nữa. Vì thế, trong cách ứng xử đã mất đi một kênh giáo dục cộng đồng có hiệu quả. Hay nói cách khác, người lớn đang tạo cơ hội hơn cho con trẻ nói tục, chửi bậy.

Cũng cần nói thêm, ngày trước trong nếp sống của người Hà Nội, rất nhiều cá nhân có lòng tự trọng, biết xấu hổ, rất nhiều gia đình có gia phong, nề nếp và họ cảm thấy xấu hổ trước đám đông nếu nói ra những từ tục tữ trước mặt người khác.

Nhưng bây giờ, lòng tự trọng của các cá

nhân mất đi quá nhiều, nên họ sẵn sàng vắng tục, chửi bậy mà không cảm thấy xấu hổ”.

Có một nguyên nhân chính ông Nguyễn Ngọc Tiên quên chưa nói là tại sao lòng tự trọng mất đi? Bởi một xã hội sống giả dối quá nhiều, bởi đồng tiền đã trở thành “vua” của lý tưởng sống. Các thứ đạo đức, gia phong, nề nếp đã trở thành “đồ cổ”, anh nào xài tới là lạc hậu, là dói nhãn răng. Cứ thế mài mòn hết nhân cách con người, còn trơ lại cái vỏ ngoài cố làm ra vẻ sang trọng nhưng rỗng tuếch.

Chửi tục ngay từ khi còn mới cắp sách đi học

Không khó để có thể bắt gặp hình ảnh những cô cậu học sinh cấp 2, cấp 3 còn mặc đồng phục tùm ba tùm bảy buông những từ ngữ tục tĩu chốn công cộng. Nhưng điều đáng báo động là “căn bệnh” này đã “lây” lan sang ra cả học sinh tiểu học.

Chị Vân, một chủ quán internet trên Quốc lộ 32 (Hà Nội) cho biết, cứ đến giờ tan học là nhiều học sinh cấp 2, cấp 3 kéo nhau vào quán. Và vừa chơi, các “ông trời” này vừa liên mồm chửi bậy.

Thậm chí, trên một số mạng xã hội, các em còn lập hẳn hội “thích nói tục, chửi thề” để vào đó cùng phô diễn “tài nghệ” nói tục. Nhiều em còn lôi thầy cô, cha mẹ ra chửi. Kinh khủng nhất khi ông bố dạy thằng con trai không được nói tục, thằng con trả lời tỉnh queo: “ông nội còn nói tục hơn cơ bố ạ”. Ngay cả đến một số “sao của làng giải trí” cũng chửi tục. Tiêu biểu là người mẫu Nguyễn Thùy Trang (tên nghề là Trang Trần) vừa bị truy tố vì đi xe ngựa chiều bị cảnh sát đưa về trụ sở công an Hoàn Kiếm nhưng vẫn tiếp tục chửi bới luôn cả cảnh sát.

Hai “thánh chửi” Hà Nội vẫn sống nhẵn

Từ rất lâu rồi tôi đã nghe danh mấy cái quán ăn ở Hà Nội gọi là “bún măng, cháo chửi”. Nói cho rõ là vào ăn bún thì bị bà chủ măng xa xả, vào ăn cháo thì bị bà chủ chửi mỗi khi đòi thêm tí hành tí ớt... “Danh tiếng” của hai thánh chửi này đã vang rền trên khắp các trang báo, cả nước đều biết, có lẽ các bạn ở nước ngoài cũng biết.

Chủ quán bún ở Ngô Sĩ Liên và quán cháo gà ở Lý Quốc Sư là hai “thánh chửi trứ danh” ở Hà Nội.

- Vào quán bún măng ăn gì?

Nằm tại số 41 Ngô Sĩ Liên (Văn Miếu – Đống Đa – Hà Nội) quán bún dọc mùng giò - lười heo, quán này do bà Hán Kim Thảo (60 tuổi) làm chủ được nhiều người gọi là “quán bún măng”.

Theo lời kể từ chính những nhân viên trong quán, khoảng thời gian 12h trưa là lúc bà Thảo sẽ nổi cơn lôi đình với khách – và khi đó các thượng đế sẽ ăn đủ các thứ ngôn từ phát ra từ miệng bà chủ quán. Nhẹ nhàng nhất cũng là: “Ăn bún gì, tìm chỗ ngồi đi, ăn xong rồi thì biến... Nói gì nói lắm thế, không ăn thì biến, bà cô, ông hoàng, không bán...”

- Vào quán cháo chửi

Quán cháo bà Mỹ tại phố Lý Quốc Sư (Hoàn Kiếm – Hà Nội) cũng được mang danh là “cháo chửi”. Bà Vũ Kim Ngọc (61 tuổi) hiện là chủ của quán. Biệt danh đó bắt nguồn từ nhiều năm trước khi mẹ bà là cụ Mỹ (79 tuổi) còn đứng quán. Vì quá đông khách nên bà Mỹ sinh bực tức. Cón bây giờ bà Ngọc thanh minh: “Tính tôi sớm nắng chiều mưa tối bão, nên những lúc nóng giận thì có quát tháo, mắng chửi khách hàng. Làm nghề này không khác gì làm dâu trăm họ nên hầu như việc chế biến để hợp miệng

khách tôi phải tự tay làm hết. Mỗi ngày quán tiếp cả trăm lượt khách ra vào, có lúc bực tức trong người nên nói hơi nặng lời. Đó là tính cách của tôi rồi nhưng bụng dạ không có ý gì cả”.

Khách hàng vẫn thản nhiên

Dù đã có nhiều bài viết nêu rõ về thái độ phục vụ cũng như phê phán thói quen mắng chửi khách thậm tệ của chủ quán nhưng quán vẫn nườm nượp khách. Dường như vì “quen bị chửi mắng” nên nhiều người cảm thấy bình thường, vẫn cười đùa và ăn ngon lành. Quả thật tôi không thể hiểu được thái độ này. Thực khách coi miếng ăn to hơn cả thể diện của chính mình. Nếu tất cả cùng tẩy chay cả hai quán “thành chửi” này chắc

chấn sẽ có tác dụng ngay. Nhưng họ... không dám rời xa một món ăn ngon dù bị chửi vào mặt. Đó là thứ văn hóa gì?!

Nhưng làm thế nào để “xử lý” người nói tục lại là chuyện không dễ dàng, lời nói gió bay, không bằng không có, không luật, làm sao mà xử và xử như thế nào? Phạt tiền, phạt tù hay phạt... cảnh cáo? Quá khó. Như thế Hà Nội sẽ còn nói tục dài dài!

Đến đây tôi thấy cần phải xin lỗi một số ít người Hà Nội không nói tục, còn giữ được chút nền nếp gia phong của người dân Việt.

Văn Quang – ngày 03- Tháng 7- 2015

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine
Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

Con Nuôi...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

Từ ngày bà Hường bị chồng chê chồng bỏ, đi cưới một bà vợ trẻ mới có hai mươi hai, thua bà đến cả ba mươi tuổi, trong lúc ông Thành đã gần bảy mươi, tất nhiên là lấy ở Việt Nam... bà Hường thấy sự đời thế gian này chường quá, hết muốn giao lưu hay tiếp thị với ai nữa cả!

Dĩ nhiên là bà buồn rồi đó! Cho dù khi bà ở với ông, ít khi hai ông bà nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy làm... một ông chồng dưới mắt bà vừa già, vừa xấu, vừa lười, “chẳng nên cái tích sự gì”... một năm chỉ tám khoảng mười hai lần... đỡ tốn nước! Nhưng sự có mặt trong nhà của ông cũng thành quen...

Bây giờ dùng một cái ông chia của, lấy từ cái nồi cái cốc, đôi đũa, chần mền... cái gì cũng chia hai, không bỏ sót thứ gì... khiến cho bà Hường mờ mắt to ra ngạc nhiên, không ngờ ông chồng mình lâu nay đâu có “ngu” như lời bà hay nhiếc ông những khi cãi nhau, mà biết “tính toán” chi ly từng thứ...

Thì ra người ta lo cho cô vợ bé bỏng như thế đó... Nghĩ vậy nên bà Hường càng tức...

- Tui tưởng ông đâu cần ngó ngang tới những thứ này!

Ông dài miệng:

- Sao không? phải lấy đẻ mà dùng chứ!

À há, đối đáp nghe cũng có lý lắm!

- Đây rồi số kiếp ông chắc cũng phải hầu nó ngày đêm chứ hay ho gì... đúng là già đầu còn dại gái! thứ người gì....

- Này nhá... tôi cảm bà nói nữa! Tôi không cần bà ý kiến ý cò chuyện người

khác.. Tôi có thân tôi biết lo... anh Luật sư Tôn đã nói rồi, giúp cho tôi với bà chia tay ít tốn kém, thì cứ theo đó mà làm, không có quyền xâm phạm vào đời tư của người ta...

Nghe ông nói, bà Hường nghẹn họng! Phải rồi, đã ưng thuận ký giấy ly dị, việc gì mà bà cứ tức tối lòng lộn như thế! Thân ai người nấy lo!

Ông cưới vợ trẻ nó có “đày” cho chết... thì kệ tí ông, mắc mớ gì tới bà! Có thể ông thích thực hành cho đúng câu:

- Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm...

Ông luật sư Tôn là bạn của hai người. Khi biết chuyện ông Thành mê gái trẻ, chỉ đáng tuổi cháu của mình về nhà đòi bỏ vợ, ông Tôn và những người bạn “không bị con lóc gái trẻ, chân dài cuốn hút”... cũng đã khuyên can nhiều lần, nhưng sức mạnh của ái tình quả là mạnh, cho nên “nước chảy đầu vịt”, ông Thành cứ làm theo ý của ông...

Đời ông cho đến tuổi này mới có ánh hào quang le lói, được gái trẻ trong nước mơn trớn gọi là anh, một danh từ có “mơ ước” cũng không bao giờ được ở hải ngoại! Nếu cô gái nào mà dám gọi như thế, sẽ bị thiên hạ chửi cho là lão khoét, hỗn hào, con nhà không có giáo dục!

Thế mới biết hai nền luân lý Đông Tây nó chời nhau đến dường nào, nhưng lại có thể thay đổi dễ dàng bởi sức mạnh đồng tiền!

Một bên Đạo lý Khổng - Mạnh, tổ tiên gia tộc chặt chẽ lại chấp nhận sự kiện tệ hại, còn đua nhau mà tìm đường cho con gái được kết nghĩa với bất cứ một “cụ ông” hay giống đực nào có tí tiền... một bên thì thế giới văn minh tự do, nhưng không bao giờ thuận theo những điều nghịch lý!

Khi trở về Mỹ, cái Cell của ông Thành đeo

bên lưng quần nó cứ kêu to lên bất kể ngày đêm, kèm theo những lời êm ái nhõng nhẽo, vởi vĩnh của cô bạn gái hơ hớ mắng non nhiều kinh nghiệm trên “chiến trường tình dục”, làm cho ông Thành bần và sốt, trong người lúc nào cũng bồn chồn làm sao ấy, chỉ muốn có cơ hội là bay về ngay với em, bất chấp ngồi máy bay lâu thì tê giò, và cũng khá tốn kém tài chính cho mỗi chuyến đi, tiền máy bay thì ít mà chi cho em thì nhiều.

Chuyện cũ rích đó có không ít “lão ông” qua cầu mắc nạn, nhưng rồi vì thể diện người ta giấu kín, để các đàn ông già trẻ khác lại lao vào... chắc chắn rằng khúc đầu mê đắm hấp dẫn lắm, nên một số ông “điếc không sợ súng” muốn thử làm “thieu thân” lao vào ánh sáng tìm cảm giác lạ!

Lúc đầu thì còn cay cú, nhưng thời gian là phương thuốc nhiệm màu! Bà Hường đã biết cam chịu cuộc sống lẻ loi cô độc một mình.

- Anh nhớ nhé, cái gì cũng lấy hết, nhất là những đồ quý giá, máy móc... không nhường bả thứ gì, vì khi qua đó em cũng cần... mình khỏi tốn tiền đi sắm lại...

Câu này bà tình cờ nghe được khi ông đứng hút thuốc sau nhà và để Speakerphone cho dễ nghe... Cô ta xúi ông Thành dành của để khi qua, sau hai năm đã có thể xanh, cô ta sẽ lấy theo chứ tốt lành gì!

Nghĩ thế nên bà Hường chia hết, còn thêm cả giẻ cùn, rế rách, bà chất lại từng thùng cạc tông cột cẩn thận cho ông mang đi! Làm ông có ý nghĩ “bà này cũng được”!

- Đây là những đồ dùng trong bếp, tui chia mỗi người một nửa...

Hai đứa con trai của ông bà đã ra trường từ lâu, chúng đi làm ở các tiểu bang xa, có trông mong gì được! Đây rồi khi chúng lấy vợ, có con..., thì kể như chuyện nhớ tới cha mẹ lại càng xa vởi.

Nhiều lúc bà nghĩ hay là bà nhận nuôi một đứa con nuôi cho vui cửa vui nhà...

Từ lúc tập quên hình bóng của ông chồng, bà Hường hay ra sau vườn ngồi sấm soi mấy gốc cây rau thơm. Cây nào cây nấy giờ mọc rất tốt... nhưng nhiều quá ai ăn cho hết! Sau cùng bà nghĩ ra cách tới các hội đoàn tham gia, mang theo những thứ rau bà có chia cho ai cần.

Hội phụ nữ là bà Hường tham dự chặt chẽ nhất. Coi như tuần nào bà cũng đi. Bà tới đó để gặp bà Cung nói chuyện, vì bà Cung là người đang làm việc cho Sở Xã Hội, am hiểu nhiều trong cộng đồng, lại là người bạn thân của bà Hường từ thời đi học.

- Hôm nay bà nấu cái gì ăn chiều?

- Có mình tui để lắm... tui ăn lại đồ thừa ngày hôm qua cho hết, để chậ tú lạnh!

- Một mình như bà cũng sướng...

- Sướng gì, buồn thấy bà!

- Vậy thì nhận nuôi một người con nuôi đi...

Bà Hường gật:

- Thì tui cũng có ý muốn xin một đứa khoảng năm tuổi về nuôi...

- Thôi, những chuyện đó khó lắm... nhiều điều kiện... bà nên nhận nuôi một đứa con mới đến Mỹ, nhưng gặp trường hợp bất khả kháng trở nên bơ vơ nơi xứ người... hoặc là nuôi những đứa bị cha mẹ bạc đãi, bỏ rơi ở bên đây... nhiều đứa tội nghiệp lắm... thành ra hận đời thành phá phách, cũng có đứa rầu rĩ, bất thường như thần kinh... hông biết bà có nuôi nổi không đây chứ?

Câu nói của bà Cung làm bà Hường hơi sợ, nhưng rồi bà cười:

- Gì mà dữ vậy... tui nghĩ mình đối tốt với tụi nó thì nó tốt lại với mình... Chứ thời xưa nhiều bà làm ơn thì ít, mà tỏ ra quyền uy thì nhiều... không có tình thương con nít

nó dễ biết lắm! Nhưng sao lại phải nuôi đứa lớn mà không nuôi đứa nhỏ hả bà?

- Thì bà nghĩ coi, nuôi một đứa còn nhỏ không phải dễ, vì bà phải chăm sóc lẫn cung cấp tiền bạc cho nó được no ấm... rùi mà bà có đau yếu hay có chuyện gì thì cũng không xoay sở dễ, ai lo cho nó... trong lúc đó tui mình cũng không còn nhỏ tuổi và có sức mạnh như xưa nữa... còn đứa mười mấy tuổi thì dĩ nhiên là lớn rồi, có trí khôn rồi, có thể đỡ đần cho mình nhiều việc... có nghĩa là đằng nào cũng có cái lợi và cái không lợi... tui nó cũng có dòng máu Việt Nam...

- Vậy sao!

- Đã làm tốt thì giúp cho lứa tuổi nào cũng tốt...

Rồi bà Cung giải thích cặn kẽ thêm với bà Hường sự việc này, sau cùng rùi bà Hường đến Sở Xã Hội một ngày gần nhất, để tham dự những buổi hội thảo về sự nhận nuôi một đứa con, cho bà Hường thấy sự việc này cũng dễ, chứ không khó khăn như bà nghĩ, mà số trẻ bơ vơ cũng không phải là ít!

- Mình biết có một con bé lai tên Xuân Lai, tính nết hơi lạ lùng, nghe nói vì bị đối xử dã man bởi người dưỡng ghê, hoàn cảnh nó tội lắm... mình chưa đọc kỹ hồ sơ... cho dù nó cộc, nhưng sao mình thấy muốn giúp con nhỏ này... ngặt cái là nhà mình đã nhận nuôi hai đứa rồi, nhận thêm cũng khó! Không có phòng cho nó ở, sợ nó tủi thân! Bà nhận con Lai nghe.

- Nó lai hả bà?

- Ừ, nhưng nhìn tèm lem như một con diên! Nói trước nghe, nó không đẹp như bà nghĩ đâu, mà tóc tai rối beng, không cho ai đụng tới! Im lặng suốt ngày...

Bà Hường suy nghĩ mông lung... bây giờ mang về nhà một đứa không bình thường,

chẳng biết bà có cảm hoá nó nổi với tình thương, sự lo lắng nhiệt thành của bà? hay rốt cuộc nhà cửa đảo lộn tanh bành, bà lại nổi điên theo nó... thì có mà chết!

Hay là lựa đứa tính nết bình thường?

Sau một tuần suy đi nghĩ lại, bà gọi cho bạn ưng thuận. Bà muốn thử thách ngay chính mình, làm một việc không phải dễ, để thuần hoá một tâm hồn được cho là vừa khùng vừa cứng đầu! vì đó cũng là tình thương con người với con người, cũng như chứng tỏ bản năng nhiều cố gắng của bà.

Ít lâu sau, bà Cung cho bà Hường biết là đã làm xong thủ tục. Cuối tuần sẽ giao con bé cho bà Hường.

Ngay khi gặp mặt con Xuân Lai, dù đã nghĩ về nó và có chuẩn bị tinh thần đằng hoàng, nhưng phải nói là bà Hường quá thất vọng khi nhìn thấy bề ngoài của nó!

Tóc tai vàng hoe lúi xùi che rùi cả khuôn mặt! đến nỗi bà Hường cũng không thấy rõ xấu đẹp thế nào! Bà Cung bảo nó chào một tiếng, nó cũng cứ cúi gầm mặt xuống không nghe! Thái độ rất lãnh cảm!

Khi đưa nó ra xe, bà Hường muốn cho không khí thân quen một chút, mới nói:

- Lai à, tối nay con muốn ăn món gì, cứ nói với di, di sẽ nấu cho con ăn, đừng ngại...

Cái mặt con bé vẫn cúi gầm xuống, miệng mím lại như lúc đầu!

Bà Cung có nói cho bà Hường biết là con Xuân Lai thích ăn đồ Việt Nam hơn đồ Mỹ, nên về đến nhà, sau khi đưa con bé vào phòng dành cho nó, bà xuống bếp lấy miếng thịt heo đã ướp sẵn ra nướng trong lò, rồi nấu cơm tấm và chiên trứng, làm chút đồ chua cho nó ăn tối.

Gần năm giờ chiều, bà Hường lên phòng kêu nó tắm rửa trước khi xuống ăn cơm. Bà thấy con bé đang nằm ngủ trên giường.

Lúc này khuôn mặt nó lộ rõ. Thì ra nó cũng xinh xắn chứ không dị tật gì...

Bà Hường lay nhẹ vào người nó, con bé giật bản mình, ngồi lên vội vàng và ôm lấy ngực có vẻ hoảng hốt...

- Con dậy đi tắm cho mát rồi xuống ăn cơm, di đã nấu xong rồi...

Nói xong bà đi ra ngay để nó được tự nhiên. Bà vào trong một phòng sát ngay bên cạnh chờ đợi coi nó có nghe lời bà mà đi tắm không? Khi nghe tiếng nước vắn rào rào, thì bà mới yên tâm trở xuống dưới nhà bếp.

Con Lai không phải là đứa lì lợm hay ngổ ngáo gì, có điều nó không hoà mình vào đám đông. Lai thích nhốt mình trong phòng, cửa khoá chặt... dù nhiều lần bà Hường nhắc:

- Con chỉ đóng cửa chứ không cần khoá, di không vào phòng con khi chưa gõ cửa... con đừng có lo. Trong nhà này không có ai ngoài di cả.

Nhưng lần nào bà Hường check cửa phòng, thì đều được khoá bên trong!

Bà không hiểu nó làm gì bên trong mà phải khoá cửa? Bà định bụng hôm nào sẽ điều tra xem tại sao nó lại thích khoá cửa phòng?

Bên trên cao cửa phòng của Lai có những ô trống design nho nhỏ, có thể nhìn vào từ chỗ đó. Một buổi tối, bà Hường bắc chiếc ghế leo lên quan sát, bà ngạc nhiên khi thấy Lai không làm gì cả, chỉ nằm yên trên giường nhắm mắt lại.

Bà “check” như vậy vài lần, lần nào cũng giống nhau. Sự việc này khiến bà rất thắc mắc! Vậy nó khoá cửa làm gì?

Vài tuần sau, Lai có vẻ không còn rụt rè với bà Hường như trước nữa! Những gì bà nói, nó nghe theo, nhưng không trả lời trả vốn gì cả.

Một hôm sau giờ cơm, đang dọn dẹp thì

Vinh, con trai của bà Hường về thăm mẹ. Lúc đó Lai đã lên phòng. Bà Hường hỏi nhỏ Vinh:

- Sao con về bất ngờ vậy? Có chuyện gì không?

- Con đi công việc cho sở ở thành phố cách đây hai tiếng lái xe. Ngày mới bắt đầu làm nên con về thăm bố mẹ trước. Con nghe nói mẹ có một cô con nuôi bị khủng hả?

- Ai nói con vậy?

- Bố.

- Cái gì bố nói thì tin 25 phần trăm thôi.

- Mà con nhỏ mẹ nuôi có khủng không?

Bà Hường nạt:

- Nói tầm bậy không... Con cứ gặp nó hỏi chuyện thì biết.

- Nó đâu rồi? Sao ở không ở đây giúp mẹ dọn dẹp...

- Mẹ chia việc rồi, nó giúp nấu ăn và thu dọn, mẹ rửa chén... Ồ, để mẹ gọi nó xuống đây... con nhỏ nhút nhát lắm... cuộc đời nó trước đây nghe nói cũng bi thảm và tội nghiệp lắm... mà con nói chuyện tử tế với nó giùm mẹ nhé, nói sao cho nó thấy màu hồng trước mặt là được rồi...

- Mẹ muốn con an ủi nó hả?

- Không, nói chuyện tử tế với nó, coi như một người anh săn sóc hỏi han em gái thôi... còn lại để mẹ lo...

- Con làm được... Mẹ lên gọi nó đi...

Lai xuống lầu, gật đầu chào Vinh, rồi vào bếp bung ba tách nước đặt lên bàn ăn. Hôm nay con bé đã nhìn sạch sẽ, tóc tai gọn gàng, áo quần thơm mát trong bộ đồ màu hồng mặc nhà, mà bà Hường đã dẫn nó đi lựa ở shopping.

Bà Hường bung tách nước uống một ngụm, sau đó đứng lên:

- Lai, con ngồi đây nói chuyện với anh Vinh một chút, đi ra vườn tưới cây.

Đi ra sân sau, bà Hường hy vọng Vinh trẻ trung, hoạt bát... sẽ làm cho Lai yên lòng mở miệng là bà vui rồi...

Lúc bà vào lại bếp, thì bà thấy Vinh đang lấy mấy tấm giấy trắng vẽ hình Lai trên đó. Vẽ chơi thôi mà Lai có vẻ hớn hờ, chăm chú nhìn với ánh mắt thích thú. Tuy vậy, con bé cũng chẳng có vẻ gì là muốn mở miệng làm thân với ai cả.

Tối hôm đó, Vinh ngủ lại một đêm rồi sáng hôm sau từ giả bà Hường và Lai để đi thăm bố, rồi trở lại sở làm.

Mấy ngày trôi qua, cuối cùng bà Hường nghĩ ra một cách, và bà quyết định thực hiện cách đó...

- Lai ơi, anh Vinh hỏi địa chỉ Email của con để viết thư thăm đó.

Lai nghe bà nói, mặt tươi lên một chút, mở học bếp lấy cây bút viết lên một mảnh giấy, rồi đưa cho bà Hường. Tối đó, trước khi đi ngủ, Lai thấy mình có thư... Lai hỏi hộp mở ra:

“Lai thân mến,

Bữa hôm về nhà gặp em, anh thấy mình vui mừng vì có thêm một người thân trong gia đình. Em sẽ thay các anh để gần gũi với mẹ, làm cho mẹ bớt cô đơn... tụi anh mang ơn em nhiều lắm. thỉnh thoảng khi nào rảnh em nhớ viết thư cho anh nhé, có gì buồn vui kể anh nghe với, anh sẽ vẫn kể cho em... em tin tưởng anh đi, anh em mình không nói cho ai biết chuyện này, OK.

Khi nào anh về thăm, muốn cái gì cứ nói, anh sẽ mua tặng người em gái út dễ thương của các anh nhé...”

Chưa bao giờ Lai thấy vui như vậy. Nhưng Lai chưa trả lời thư vội. Lai để dành cho ngày mai, tối nay Lai đem mấy tấm hình anh Vinh vẽ ra nhìn, dù anh bảo vứt đi, nhưng Lai vẫn quý và giữ lại trong phòng...

Chỉ vài ba tháng sau, Lai đã trở lại là một người con gái bình thường. Có người hỏi han tâm sự đáng tin tưởng, Lai đã chịu quên đi dĩ vãng tối tăm, để viết những dòng trên Email, gửi cho anh Vinh như sau:

“Anh Vinh mến,

Cuộc đời của em trước đây rất bi ai! Em chưa từng nói với ai, kể cả dì, trừ những người trong cuộc biết... Ai cũng nghĩ em là đứa khùng, làm li, bắt cần đời và v.v... toàn là những ý nghĩ xấu khi nghĩ đến em, mà họ đâu cần biết lý do tại sao!

Anh đã cho em sự tin tưởng của người anh che chở và bảo bọc đưa em lạc loài... Tình thương của anh và cả dì lâu nay đã làm em cảm thấy gia đình này là trụ cột để em tin tưởng, bầu vùi bây giờ và tương lai.

Em cảm ơn anh đã mang lại ánh sáng đời em”

Bà Hường tưới cây xong từ vườn đi vào, thì Lai đến gần bên, thỏ thẻ:

- Dì, con gọi dì là... mẹ được không?

Bà cảm động trở mặt ra nhìn:

- Được chứ, con muốn là dì... à quên, mẹ vui rồi...

- Dạ... cảm ơn mẹ... con muốn kể với mẹ chuyện của con trước đây...

- Tùy con nhé... mẹ con mình ra ngoài phòng khách ngồi cho thoải mái, đi con...

Hai mẹ con ra ngoài ghé xa lông. Lai nắm tay bà Hường bắt đầu kể... Nhiều đoạn Lai ngừng lại thôn thức, còn bà Hường thì lau nước mắt không ngừng!

Quả thật bà không ngờ cuộc đời Lai lại khốn khổ như thế! Cha của Lai bị mất tích trong chiến tranh, mẹ Lai cặp với một người đàn ông trẻ tuổi hơn bà. Những khi bà đi làm thì Lai đi học, ba giờ chiều trở về nhà gặp ông dượng ngồi đó chờ, để sai khiến làm cho Lai rất sợ và ghét.

Một hôm anh ta uống rượu rồi lôi Lai vào phòng cưỡng hiếp dã man! Xong việc hắn còn đánh đập Lai một trận nên thân, mục đích để dàn cảnh với mẹ nếu Lai mách lại.

Quả như hắn muốn. Khi Lai kể lại chuyện và xin mẹ giúp mình, thì bất ngờ mẹ Lai lại tát vào mặt Lai nhiều cái tát nẩy lửa, bà mù quát ghen tương với con gái, vì tin lời tên dượng cho rằng Lai mò vào phòng ăn cắp tiền của bà, bị dượng bắt gặp nên sau khi dụ dỗ tổng tình dượng không được, đã hỗn hào nhảy vào đánh dượng, bây giờ lại còn đặt điều vu khống để mẹ đuổi dượng đi, cho Lai dễ tác oai tác quái!

Dưới mắt mẹ, Lai là đứa con gái ngựa!

Lai bị mẹ ghét và sau đó, những khi đi học về vẫn bị ông dượng tiếp tục hiếp! Lai chịu không nổi phải bỏ nhà trốn đi, dúi khất cả tuần ngoài đường... cuối cùng Lai mò tới nhà cô giáo xin tá túc, lại gặp chồng cô giáo cũng là 1 tên dê xồm ác ôn, hắn đã hiếp Lai ngay đêm đầu tiên ở phòng dưới gara! rồi lấy gối đè lên mũi Lai cho chết ngạt, sau đó bỏ Lai lên xe chở đi xa, vất Lai ở ngoài bãi rác...

Hoá ra tên này vốn là người kỳ thị chủng tộc thuộc băng nhóm KKK!

Lai được cảnh sát cứu sống với thân hình máu me trầy trụa đầy người, sau đó Lai ký tên tố cáo chồng cô giáo lần tên dượng... nhưng tên dượng đã lấy hết tiền của mẹ cao bay xa chạy, vậy mà mẹ của Lai khi nghe nhắc đến tên con, vẫn còn căm thù chửi Lai thậm tệ, bà cho Lai đã phá hạnh phúc nhà bà... còn chồng cô giáo thì quen lớn, hắn cũng chẳng hề hấn gì, vẫn nhờn như như không vì có tiền bảo lãnh ra!

Lai trở nên thù hận bất cần đời từ đó, lúc nào cũng lạnh lùng xa vắng, căm ghét loài

người! Lai không tin tưởng vào ai nữa... ngay đến mẹ ruột của Lai mà còn đối xử với con gái như vậy! Cho nên khi về nhà bà Hường, làm sao Lai mở lòng ra cho được!

Bà Hường ôm Lai trong vòng tay... không ngờ tội nghiệp cho số phận của Lai quá! Nếu bà không nghĩ cách giả lấy tên của Vinh để viết thư Email an ủi, thì thậm tâm sự với Lai hàng đêm, thì chưa chắc Lai đã hoà nhập cuộc sống như bây giờ!

Hoàn cảnh của Lai làm bà Hường vừa chảy những giọt nước mắt thương cảm, vừa mừng vì Lai đã có niềm tin trở lại! Từ đó bà nuôi và dạy Lai cẩn thận trong sự thương yêu, đùm bọc... như một người mẹ ruột chính tông.

Hôm nay là ngày Lai ra trường 4 năm về ngành Tâm Lý Học. Nhìn con đứng trên bục gỗ đọc diễn văn đại diện cho các bạn cùng khoá, bà Hường hãnh diện hân hoan vui sướng. Lai bây giờ hoạt bát, xinh đẹp... khác hẳn khi bà gặp lần đầu.

Vinh rủ cả anh mình về thăm mẹ, nhân tiện dự tiệc mừng em Lai ra trường, có "Job" thơm chờ sẵn trong một tháng nữa ở New York với mức lương khá cao.

Bà Hường nhìn lên trời xanh... Bây giờ bà đã cao tuổi hơn hồi xưa, nhưng vẫn còn có sức lực để tự lo thân chứ chưa bị tuổi già hành hạ. Bà thầm cảm ơn Thượng Đế đã cho bà sức khoẻ tốt, cũng như làm được việc hữu ích cho đời.

Chợt bà nở nụ cười trên môi lúc nghĩ:

Bé Lai đi làm xa, chắc bà phải đến gặp bà Cung để xin nuôi một đứa khác.... Nuôi không khó, chỉ việc mở lòng ra thôi...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

VACLAV HAVEL VÀ CÁCH MẠNG NHUNG Ở TIỆP KHẮC

Đoàn Thanh Liêm

Tài liệu tham khảo chính yếu :

HAVEL: A Life by Michael Zantovsky do Grove Press New York ấn hành năm 2014, sách dày 543 trang

Năm 1989, lịch sử thế giới đã ghi nhận một biến cố cực kỳ quan trọng: đó là sự sụp đổ của chế độ cộng sản tại khu vực Đông Âu để rồi kéo theo sự giải thể của Liên Bang Xô Viết vào cuối năm 1991. Và kể từ đó là sự kết thúc cuộc Chiến Tranh



Vaclav Havel

(Source: britannica.com)

Lạnh (The Cold War) giữa hai khối Cộng sản và Tư bản – cuộc đối đầu thật căng thẳng liên miên giữa hai siêu cường Mỹ và Nga khởi sự ngay sau khi thế chiến II chấm dứt vào năm 1945.

Trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động của Đông Âu vào thời kỳ đó, thì tuy chỉ là một nước nhỏ với dân số tổng cộng chỉ vào khoảng 15 triệu người, thì Tiệp khắc đã được cả thế giới chú ý và ca ngợi vì thành tích tranh đấu bền bỉ để dành lại Tự do và Nhân quyền thông qua Phong trào Hiến chương 77 khởi sự từ đầu năm 1977 (The Charter 77 Movement). Và đặc biệt là cuộc Cách Mạng Nhung diễn ra trong các năm 1988 - 1989 (The Velvet Revolution) cùng với một nhân vật lãnh đạo xuất chúng: đó là Vaclav Havel – người sau này được bầu vào chức vụ Tổng thống suốt mấy nhiệm kỳ kéo dài trên 13 năm.

Bài viết này được xây dựng dựa trên những thông tin và tư liệu rất phong phú được chứa đựng trong cuốn sách có nhan đề là: “Havel : A Life” do tác giả Michael Zantovsky biên soạn và cho ấn hành mới đây vào năm 2014 - sau khi Vaclav Havel qua đời vào cuối năm 2011.

I – Sơ lược về tác giả Michael Zantovsky. Michael Zantovsky hiện đang là Đại sứ của Cộng hòa Czech tại Anh quốc và là Chủ tịch của Viện Aspen Praha. Ông là một trong những thành viên sáng lập phong trào điều hợp công cuộc lật đổ chế độ cộng sản ở Tiệp khắc.

Năm 1990, ông trở thành phát ngôn viên, tùy viên báo chí và cố vấn cho Tổng

thống Vaclav Havel. Sau đó, ông giữ chức vụ Đại sứ của Czech tại Washington và Tel Aviv. Ông hoạt động trên lãnh vực chính trị, ngoại giao và còn là một tác giả và dịch giả chuyên giới thiệu tác phẩm của các tác giả đương đại của Anh và Mỹ cho độc giả người Tiệp khắc.

II – Giới thiệu tổng quát về cuốn sách “Havel: A Life”.

Là một bạn chiến hữu thân thiết đã từng sát cánh lâu năm với Havel, nên tác giả Zantovsky đã có thể cống hiến cho chúng ta rất nhiều tư liệu và thông tin về đời tư và nhất là về những hoạt động thật hăng say sôi động của Vaclav Havel (1936 – 2011), đó là một nhân vật cực kỳ nổi danh của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX qua đầu thế kỷ XXI.

Cuốn sách trải dài 543 trang, được phân chia thành 47 đề mục với mỗi tiêu đề riêng cho từng mục. Tuy vậy, tác giả lại không chia thành những chương, những phân đoạn như thường gặp trong các sách khác và cũng không chịu ghi số thứ tự của mỗi mục. Vì thế mà người đọc gặp khó khăn trong việc theo dõi diễn biến của các sự việc với vô số chi tiết xảy ra xung quanh cuộc sống và hoạt động của Havel là nhân vật chính yếu của tác phẩm.

Đại cương, ta có thể ghi nhận tóm lược về cuộc đời của Havel với mấy nét nổi bật như sau:

21 – Trong thế chiến II, gia đình của Havel đã phải trải qua những đày đọa do chế độ độc tài Đức Quốc Xã gây ra cho toàn thể nước Tiệp Khắc. Rồi sau khi hết chiến tranh chẳng bao lâu, thì kể từ năm 1948 chế độ cộng sản do Stalin lãnh đạo đã bao trùm lên toàn thể khu vực Đông Âu và cậu bé Havel vừa đến tuổi 12, thì đã bị gạt ra ngoài lề xã

hội, không được tiếp tục đi học và cũng thật khó mà kiếm được một việc làm tương đối ổn định - vì lý do là cậu xuất thân từ một gia đình tư sản địa chủ được coi như là một thứ “kẻ thù của cách mạng vô sản”.

Tuy vậy, do cố gắng vượt bậc vào độ tuổi 30 Havel đã trở thành một nhà viết kịch có tên tuổi với nhiều vở kịch được công chúng trong nước cũng như ngoài nước yêu chuộng – nhờ vậy mà ông đã có thể sống tự túc được bằng công việc sáng tác.



Michael Zantovsky

(Source: en.wikipedia.org)

22 – Biên cố Mùa Xuân Praha năm 1968 và tiếp theo là cuộc “xâm lăng ào ạt” của các đạo quân thuộc khối Liên minh Quân sự Varsava do Liên Xô điều động để xâm nhập vào Tiệp khắc - nhằm dẹp bỏ cái chủ trương “Xã hội chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản” (Socialism with Human Face) do giới lãnh đạo cộng sản địa phương phát động – đã khơi dậy tinh thần quật cường yêu nước của đa số nhân dân Tiệp khắc. Diễn hình là vụ tự thiêu vào đầu năm 1969 của sinh viên Jan Palach tại công trường Wenceslav nơi

trung tâm thủ đô Praha.

Và rồi với Thỏa ước Helsinki năm 1975, phong trào tranh đấu nhân quyền trong các quốc gia do cộng sản Liên Xô cầm trịch đã nhất loạt vùng lên – sự kiện này lại càng tiếp sức cho công cuộc đòi hỏi tự do và nhân quyền ở Tiệp khắc kể từ ngày nước này bị Liên Xô chiếm đóng sau vụ

Mùa Xuân Praha như đã ghi ở trên.

Và chính trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động đó mà Havel đã dần thân nhập cuộc cùng với các bạn đồng chí hướng với mình trong việc đòi hỏi nhà nước cộng sản đương quyền phải trả tự do cho những tù nhân lương tâm bị giam giữ vô lý - điển hình như vụ các nghệ sĩ bị đàn áp vì lý do trình diễn loại nhạc theo trào lưu Rock N Roll ở các nước Tây phương. Đó là điểm xuất phát của Phong trào Hiến chương 77 với sự phổ biến toàn văn Bản Hiến chương này được gửi đến chính quyền cộng sản. Ta sẽ bàn thảo chi tiết về biến cố cực kỳ quan trọng này khởi sự từ đầu năm 1977 ở mục sau.

23 – Tiếp theo là cuộc Cách Mạng Nhung phát động vào năm 1988 – 89 đưa đến thắng lợi cuối cùng là giải thể được chế độ cộng sản vào cuối năm 1989 và sau đó Vaclav Havel được dân chúng tín nhiệm giao cho trách nhiệm lèo lái con thuyền quốc gia Tiệp khắc trong giai đoạn xây dựng và tái thiết đất nước kể từ đầu thập niên 1990.

Lãnh tụ Havel đã được cả thế giới biết đến và yêu chuộng vì phong cách hòa ái nhân hậu khi điều hành guồng máy nhà nước – mà cũng vì lập trường tranh đấu bất bạo động và hết sức kiên cường chống lại chế độ độc tài chuyên chế cộng sản. Ta sẽ ghi thêm chi tiết về hoạt động của người nghệ sĩ và chiến sĩ Havel trong mục sau.

III - Vaclav Havel là một nghệ sĩ mà cũng là một chiến sĩ nữa.

Là người soạn kịch (playwright) với nhiều tác phẩm được công chúng tán thưởng yêu chuộng, Havel luôn cố gắng trau dồi về học thuật tư tưởng theo truyền thống nhân bản của Âu châu. Nhờ vậy mà ông đã có được một căn bản sở học vững vàng để hội nhập được với trào lưu văn hóa tiên bộ của thế giới.

Và mặc dầu phải sống trong khung cảnh ngột ngạt do sự kềm kẹp của Liên Xô sau biến cố Mùa Xuân Praha năm 1968, Havel vẫn tìm cách liên hệ được với giới văn nghệ sĩ trí thức tại các nước Âu Mỹ qua những vở kịch được trình diễn ở nước ngoài. Nhờ đó, mà ông được sự yểm trợ và bênh đỡ tận tình của những nhân vật có tên tuổi trên thế giới - mỗi khi bị nhà cầm quyền cộng sản đàn áp, bắt giam vì những hoạt động tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Dưới đây, ta sẽ xem xét chi tiết hơn về sự nhập cuộc của Havel khi bước vào tuổi 30. Và sau đó, cũng điếm qua một số thành tích nổi bật nhất của ông trong thời giam giữ chức vụ Tổng thống của Tiệp khắc tự do dân chủ.

31 – Cuộc tranh đấu kiên cường ròng rã suốt trên 20 năm (1968 – 1989)

Nói chung, sau vụ khởi Liên Xô kéo quân đội vào Tiệp khắc năm 1948, thì giới trí thức văn nghệ sĩ tại xứ này cũng như tại Đông Âu lại càng trở nên bất mãn và chống đối lại chính quyền cộng sản do Liên Xô áp đặt để kềm kẹp dân chúng chặt chẽ, khắc nghiệt hơn nữa – theo chính sách mà họ gọi là “bình thường hóa” (normalisation) để tái

LOVELIEST OF TREES

*Loveliest of trees the cherry now
Is hung with bloom along the bough
And stands about the woodland ride
Wearing white for Eastertide.*

*Now of my **three score years and ten**,
twenty will not come again.
And take from seventy years a score,
It only leaves me fifty more.*

*And since to look at **things in bloom**,
Fifty Springs is little room,
About the woodlands I will go
To see the cherry hung with snow.*

A. E. HOUSMAN

ĐẸP NHẤT RỪNG CÂY

*Giờ đây đẹp nhất anh đào
Trên cành hoa nở khoe màu nhẹ rung
Ngay bên lối dạo ven rừng
Đào phô sắc trắng đón mừng Phục Sinh.*

*Bảy mươi tuổi cuộc đời mình
Hai mươi năm đã trôi nhanh qua rồi
Cuốn đi trong số bảy mươi
Chỉ còn lưu lại quãng đời năm mươi.*

*Nên khi ngắm cảnh hoa tươi
Năm mươi Xuân nữa thấy thời ngắn thôi,
Rừng cây ta sẽ dạo chơi
Ngắm anh đào phủ tuyết trời lòng vui.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

lập quyền thống trị toàn diện của đảng cộng sản chống lại khuynh hướng cải cách (reformist). Havel đã mỗi ngày tham gia nhiệt thành hơn vào cuộc tranh đấu của những phần tử cấp tiến nhất trong giới văn nghệ sĩ trí thức tại quê hương mình.

Nổi bật nhất là việc Havel góp phần soạn thảo bản văn của Hiến Chương 77 và rồi được giao phó trách nhiệm là một trong ba người phát ngôn viên của tổ chức này (spokeman). Lời văn nhẹ nhàng, khiêm tốn, nhưng nội dung thật dứt khoát tập chú vào việc đòi hỏi chính quyền phải tôn trọng nhân quyền bằng cách thả những người bị bắt giữ vì lý do chính kiến bất đồng (dissident).

Cũng vì tích cực hành động như vậy mà Havel đã bị giam giữ ngặt nghèo liên tục đến gần 5 năm từ năm 1978 đến 1983.

Tiếp đến là vào năm 1988, nhân kỷ niệm 40 năm ngày công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (1948 – 1988), giới tranh đấu lại quy tụ với nhau dưới danh nghĩa “Diễn Đàn Công Dân” (Civic Forum) để đẩy mạnh hơn nữa cuộc tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Và đó là căn nguyên của cuộc Cách Mạng Nhung đưa đến sự sụp đổ dứt khoát của chế độ cộng sản ở Tiệp Khắc vào cuối năm 1989. Gọi là Cách Mạng Nhung bởi vì không hề có bạo động đổ máu và cũng không có sự trả thù của bên thắng cuộc là phe tự do dân chủ của Havel đối với những cựu đảng viên cán bộ cộng sản ở bên thua cuộc.

Tổng thống Havel được quốc tế ca ngợi và mến phục vì thái độ trượng phu quân tử khi nắm quyền lãnh đạo quốc gia sau khi chế độ cộng sản sụp đổ năm 1989 đó vậy, mặc dầu ông cũng bị một số bà con đồng bào ám ức bất mãn vì chuyện quá ư nhân đạo bao dung cho kẻ đã từng gây ra bao nhiêu tội ác trong suốt hơn 40 năm đảng

cộng sản nắm giữ quyền hành.

32 – Một vị Tổng thống được nhiều người mến mộ.

Từ sau năm 1990, ít có vị lãnh đạo quốc gia nào mà lại được toàn thể chính giới quốc tế ca ngợi mến chuộng như là đối với Tổng thống Havel của Tiệp khắc, một nước nhỏ mà vừa mới thoát khỏi ách cộng sản do thắng lợi kỳ diệu của cuộc Cách Mạng Nhung. Nhưng thành tích nổi bật nhất của Tổng thống Havel là ông đã thật khôn ngoan nhiệt thành trong việc vận động để Tiệp khắc được gia nhập minh ước phòng thủ NATO và tiếp theo là gia nhập vào Liên Hiệp Âu Châu (EU = European Union).

Đó quả thật là một kỳ công để Tiệp khắc có thể trở về trong vòng tay ấm cúng của đại gia đình Âu châu vốn có truyền thống văn hóa lịch sử cũng như học thuật tư tưởng sáng chói - mà nước này cũng như Ba Lan, Hungary ở Đông Âu đã chia sẻ chung với nhau từ cả ngàn năm trước. Chỉ có tầm nhìn thật bao quát rộng lớn của người nghệ sĩ trí thức như Vaclav Havel mới có thể lôi cuốn thuyết phục được giới lãnh đạo chính quyền cũng như xã hội dân sự tại các nước Tây Âu và Hoa kỳ chấp thuận cho Tiệp khắc hội nhập êm thấm với cộng đồng Tây Âu như vậy mà thôi.

33 – Một số tác phẩm tiêu biểu của Vaclav Havel.

Tại cuối sách “Havel: A Life”, tác giả Michael Zantovsky đã ghi ra khá nhiều tác phẩm của Havel mà ông đã trích dẫn trong sách. Xin ghi nơi đây một số tác phẩm tiêu biểu;

A – “Disturbing the Peace” do Paul Wilson dịch, ấn hành năm 1990.

B - “Letters to Olga” cũng do P.Wilson dịch, ấn hành 1990. Olga là bà vợ lâu năm

của Havel, hai người không có con với nhau. Bà chết vì bệnh ung thư năm 1995. Sau khi Olga mất, Havel tục huyền với Dasa Dagmar.

C – “Toward a Civil Society” do P. Wilson và những người khác dịch, ấn hành năm 1995.

D - “The Power of the Powerless” tiểu luận viết năm 1978 (có đề tặng và tưởng niệm triết gia Jan Patočka người bị chết sau cuộc điều tra của công an mật vụ vì là đồng tác giả và phát ngôn nhân của Hiến chương 77). Bản dịch tiếng Anh ấn hành năm 1985 tại London.

E - “Selected Plays, 1963 – 83”, do Vera Blackwell dịch ấn hành tại London năm 1992

* * Tóm tắt lại, Vaclav Havel là một nhân vật xuất chúng của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI. Ông là một đại diện nổi trội nhất của tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ tại Đông Âu với lòng dũng cảm kiên trì trong phong trào tranh đấu bất bạo động cho Tự do, Dân chủ và Nhân quyền để đạt tới thắng lợi cuối cùng vào năm 1989 - là dẹp bỏ dứt khoát được chế độ cộng sản độc tài toàn trị do Liên Xô áp đặt trên quê hương đất nước ông từ năm 1948. Cả thế giới đều ngưỡng mộ con người kiệt xuất này của thời đại chúng ta ngày nay vậy./

Costa Mesa California, Tháng Sáu 2015

Đoàn Thanh Liêm

LAM PHƯƠNG: người nhạc sĩ tài hoa, bình dị, hiền hòa và khiêm tốn

Phan Anh Dũng



Lam Phương là một nhạc sĩ sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam. Dòng nhạc của ông được phổ biến rộng rãi và được nhiều tầng lớp yêu mến. Giỏi thưởng ngoạn âm nhạc, dù khó tính nhất, cũng sẽ chọn được một vài bài trong số 200 đóa hoa muôn màu, muôn dạng, kỳ diệu của ông. Lam Phương được biết đến như một người nhạc sĩ tài hoa, hiền hòa, nhiều tình cảm, bình dị, có sức chịu đựng, tinh thần phấn đấu và có đức tính khiêm tốn để mến.

Trải qua nhiều thăng trầm, Nhạc sĩ Lam Phương, 78 tuổi, hiện đang sống với gia đình cô em gái và đang hưởng những ngày tạm gọi là thánh thời tại miền Nam California, với tình thương của nhiều văn nghệ sĩ và người ái mộ khắp nơi. Được biết

trong vài năm gần đây "Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ" và nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" đã tổ chức những buổi họp mặt tại tư gia hay tại nhà hàng để vinh danh hay mừng sinh nhật của ông.

Từ năm 1993, Trung tâm Thúy Nga Paris đã phát hành 4 DVD về dòng nhạc của Lam Phương. Một số ca nhạc sĩ cũng đã ra mắt CD chỉ toàn nhạc của Lam Phương như: Hương Lan & Elvis Phương, Khánh Hà, Thùy Dương, Bạch Yến (Paris), Lưu Hồng, Vân Khánh, Thanh Hà, Họa Mi, Hương Lan & Huy Sinh, Nguyễn Đức Đạt, Ngọc Anh, Hạ Vy, Cẩm Ly & Quốc Đại, Hương Lan & Vũ Khanh ... Cuối năm 2015, nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" ở Hoa

Kỳ sẽ xuất bản một tuyển tập về Nhạc sĩ Lam Phương, với bài vở từ thân hữu và người ái mộ. Trung tâm Asia cũng sẽ thực hiện một show nhạc ở Long Beach, California vào tháng 8, 2015 và sau đó sẽ ra mắt DVD về dòng nhạc Lam Phương và Anh Bằng.

Người viết chỉ mong ghi lại vài cảm nghĩ chủ quan của mình về Lam Phương, người nhạc sĩ đàn anh mà mình ngưỡng mộ, chứ không thể nào bàn luận hết tất cả công trình của ông trong bài viết ngắn này. Mời quý vị xem trang nhạc đầy đủ hơn về ông với nhiều hình ảnh, video, lời ca, tiếng nhạc và bản nhạc ở website Cỏ Thơm: http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1252&Itemid=47

Nhạc sĩ Lam Phương tên thật là **Lâm Đình Phùng**, sinh năm 1937 tại Rạch Giá. Năm 10 tuổi theo gia đình lên Sài Gòn. Ông tự học nhạc lúc 13 tuổi và bắt đầu sáng tác từ năm 15 tuổi, may mắn có được 2 người hướng dẫn, đó là Nhạc sĩ Hoàng Lang và Nhạc sĩ Lê Thương. Trong một bài phỏng vấn với nhà văn Lê Văn Phúc năm 2004, ông tỏ lòng tri ân Thầy Hoàng Lang đã dẫn dắt ông vào con đường âm nhạc và nhớ Thầy Lê Thương đã nhắn nhủ: "*Thầy dạy cho em những gì thầy biết về âm nhạc nhưng không huấn luyện được tâm hồn. Đó là của Trời cho chứ không ai cho em được*". Trong mấy chục năm sáng tác, ông vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức về nhạc Tây phương và Quốc nhạc: "*mong sao đến lúc tôi đủ sức sáng tác những ca khúc lớn, những bản đại hòa tấu, thì chừng ấy, đa số quần chúng nước ta đã có thể thưởng thức loại nhạc này*" (phỏng vấn của Nguyễn Ngũ Í, 1969).

Ông đã từng thi hành nghĩa vụ quân dịch, tuy chỉ khiêm nhường là "lính hậu phương" nhưng rất đặc lực và tận tâm trong Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị với những sáng tác nổi tiếng về người lính Việt Nam Cộng Hòa và tình nghĩa quân dân.

Bút hiệu Lam Phương do ông tự đặt, từ 2 chữ trong tên thật của mình (Lâm và Phùng), với ý nghĩa: "hướng về phương trời màu xanh (lâm) hy vọng". Có lẽ vì vậy mà ông đã cố gắng khắc phục mọi hoàn cảnh khó khăn, về vật chất cũng như tinh thần, để tiếp tục vui sống và sáng tác nhạc.

Ngày 30 tháng 4, 1975 ông và gia đình có mặt trên con tàu Trường Xuân cùng với khoảng 3600 người ra khơi khi Sài Gòn thất thủ vào tay Cộng sản. Sau trại tị nạn Hồng Kông, ông được định cư tại tiểu bang Virginia Hoa Kỳ. Sau đó, có lẽ vì "kiếp phiêu bồng" nên ông đã di chuyển về tiểu bang Texas rồi California và có một quyết định lớn: rời Hoa Kỳ sang Paris, Pháp sinh sống một thời gian khá dài, sau khi ly dị với kịch sĩ Túy Hồng. Ra hải ngoại và nhất là tại Paris, ông đã có thêm cảm hứng để viết rất nhiều nhạc phẩm phong cách mới lạ, trẻ trung ...

Qua những video do Trung tâm Thúy Nga Paris thực hiện, tôi nhận xét cách nói chuyện của ông rất thành thật, lịch sự, khéo léo, khiêm tốn và lúc nào cũng vui vẻ với nụ cười trên môi, cho dù câu hỏi có nhắc đến những chuyện buồn ông vừa trải qua.

Nhạc sĩ Lam Phương là một trong rất ít nhạc sĩ không "phổ nhạc từ thơ", vì e rằng không thể chấp cánh cho bài thơ bay xa hơn với nhạc của ông: "*Thơ của người ta đang*

hay, bỏ vào nhạc của tôi nhờ không hay thì có phải là tôi mang tội, làm hại người ta không chứ! Nên tôi không dám..." Ông đã sáng tác trên dưới 200 bài, rất dễ dàng, từ nhạc phẩm đầu tay năm 1952 "Chiều Thu Ấy" và tiếp nối cho đến khi ông lâm trọng bệnh vào năm 1999. Nhạc của Lam Phương đa dạng với nhiều thể điệu và đề tài về: tình quê hương, người lính chiến VNCH, tình mẫu tử, tình yêu lứa đôi ... Ông cho biết nguồn cảm hứng sáng tác rất thật - từ chính cuộc đời của ông hay cảm nhận được từ đời thường qua báo chí, thân hữu.

Tuy phải chật vật để mượn tiền in và phải tự đem đi bán tác phẩm đầu tay năm 1952 nhưng chỉ sau 3 năm, các nhạc phẩm của ông đã được những nhà xuất bản nhạc mua bản quyền và phổ biến, trong đó có Nhà xuất bản Tinh Hoa: **Chiều Thu Ấy** (*Chiều thu ấy, ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai. Nhìn mây bay, hồn lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều thu ấy, nhìn nhau tay nắm tay, mắt hoen lệ tràn. Buồn ngao ngán, nắng xa cách, duyên tình ta ôi bẽ bàng...*); **Khúc Ca Ngày Mùa** (*Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát. Ánh trăng thanh chiếu qua làng xơ xác. Chiếu hồn quê bao khúc ca yêu đời. Mừng trăng lên chúng ta cùng múa hát. Ước mong sao lúa hai mùa thơm ngát. Lúa về mang bao khúc ca tuyệt vời...*); **Trăng Thanh Bình** (*Ngày nào súng biên cương rền nổ khắp đồng xanh. Bao la súng rền vang xa xa. Xác thù tràn đầy khắp sơn hà. Tự hỏi ai trong đêm trăng tà?...*); **Nhạc Rừng Khuya** (*Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng rắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...*); **Tình Cổ Đô** (lời: Mạnh Thường - *Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi*

đã xa thật rồi. Mịt mù ngàn trùng khơi, thành phố cũ lắng sau núi đồi. Đâu Thăng Long năm xưa, cùng tháp cũ rêu phai mờ. Còn tìm đâu nên thơ, cảnh liêu ủa rữ bên ven hồ...)

Trong lúc viết bài này, tôi đã nghe lại một số tác phẩm của ông thuộc dạng ít được người bây giờ nhớ đến, trong số đó là 2 bản nhạc Chiều Thu Ấy - Sĩ Phú hát và Tình Cổ Đô - Mỹ Thể trình bày. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì hồn nhạc và kỹ thuật của người nhạc sĩ rất trẻ tuổi đã "chững chạc", không kém gì các nhạc sĩ thành danh thời đó - báo hiệu sự xuất hiện lâu dài một chân tài của nền tân nhạc Việt Nam.

Tôi cũng thích thú khi nghe: **Chiều Tàn** - ban tứ ca Nhật Trường hợp ca (*Chiều tàn, trời man mác nắng thom lạnh đã dần phai. Màn đêm sao chưa buông còn thơ thẩn. Tự đời mong bóng ai. Bóng đôi chim non tìm đường về. Ngại ngừng tung cánh theo làn gió đông vừa sang...); **Kiếp Tha Hương** - Thanh Thúy hát (*Chiều đi lặng lẽ màn đêm dần trôi. Bâng khuâng vì gió đông đến tim cô. Ngã mình che lá khô nhẹ rơi. Thấy lòng bớt cô đơn. Giữa ánh đèn kinh đô sáng soi...); **Tình Mẹ** tức Lòng Mẹ Thương Con - Lê Thanh hát (*Đêm khuya rồi à ơi con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lòng tạt gió sương rơi. Được nhìn con thân mẹ đường ấm khôn nguôi...); **Thương Con** - Hoàng Oanh hát (*Trời khuya, quá canh ba tiếng gà gáy vang thôn nghèo. Đâu hiu ánh trăng rằm qua vách soi con yêu. Đêm vắng âm vang lời ru. Nhìn lệ con chứa chan, Mẹ nhớ hôm nao lúc con ra đời. Người người nhìn vào nôi. Tiếng khóc ban sơ gây gia đình thêm vui. Ấu ơ Ấu ơ. Tiếng khóc con thêm phần mẹ lo. Lo sao bát sữa con vẫn****

đầy. Lo vì nhà mình thiếu cơm chiều...); **Rừng Xưa** - Anh Khoa hát (Người về đâu hỏi người về đâu? Có nhớ chăng một chiều bên suối mơ? Nghe gió cuốn mây trôi về nơi xa tím chân trời: Tình đã trao không lời...); Những tuyệt tình ca như **Mưa Lệ** - Thanh Hà hát (Lệ mãi thương về cố hương xa vời. Lệ nhớ mong ai mờ trang giấy. Mưa tuôn trong tim suốt năm canh dài. Từng hạt buồn đau tí tách hiện ngoài...); **Cỏ Úa** - Ý Lan hát (Còn nhớ tên nhau xin gọi trong giấc mộng. Còn chút thương yêu xin đưa vào dư âm. Có phải còn yêu vì đôi lần thăm nhớ. Mình đã thật quên có sao lòng vẫn chờ...); **Cho Em Quên Tuổi Ngọc** - Bạch Yến hát (Cho em quên cơn mộng ảo xa xôi thơ ngây ngày nào. Em quên được phút trong tay mưa bay dạt dào. Đến muôn đời sau em không còn nhớ yêu thương bên nhau lần đầu...); **Sầu Ly Hương** - Lệ Thu hát (Nhạc sầu buồn trầm lắng. Xa quê bao ngày tháng. Mang theo nỗi niềm đau xót chia phôi. Hà Nội xa vời lắm. Nơi quê hương chìm đắm. Ai ra đi mà không thương nhớ về...); **Một Mình** - Khánh Hà hát (Sớm mai thức giấc, nhìn quanh một mình. Ngoài hiên nắng lóa, đàn chim giạt mình. Biết lời tỏ tình, đã có người nghe...); **Em Đi Rồi**, viết theo tâm sự buồn của nhạc sĩ saxophone Lê Tấn Quốc & ca sĩ Họa Mi (Em đi rồi, đường xưa có nắng không anh? Lá hoa còn xanh, hay tàn theo tháng ngày? Giờ một mình anh, lẻ bước trong sương mai. Người tình còn đâu, chỉ đón đau con tim...); những bản hùng ca như **Nhạc Rừng Khuya** - Ngọc Minh hát (Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng rắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...); **Đoàn Người Lữ Thứ** (Kìa là rừng sâu âm u dưới

sương trời khuya. Một đoàn tàu đi quanh co giữa đêm trăng đầy. Lòng tràn niềm vui đêm nay chúng ta cùng sum vầy. Bên nhau ta hát hát mãi hát quên đường xa...); Dĩ nhiên chúng ta không thể quên những nhạc khúc ông viết cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông như: **Xuân Mộng** - Diễm Liên hát (Trông Anh Đào bừng nở, nàng Lan cũng mỉm cười Ấu yếm bên nàng Huệ, là Cúc sắc hương vàng tươi Năm ngón tay ngọc nữ, nhẹ đưa xuân vào cõi đời Trông nắng xuân vời vời, cõi áo cho nàng Hồng vui...); **Ngày Tết Biệt** - Túy Hồng hát (Hôm nay đây còn vui trông thấy nhau. Bên tiếng ca tiếng đàn vượt trời cao, lời vui thắm thiết đưa trao như khi mới gặp nhau...); **Thu Sầu** - Thái Thanh hát (Mùa thu thừa nắng gió mang niềm nhớ. Trời chiều man mác buồn nát con tim. Lệ tình đầm ướt tà áo trinh nguyên. Kỷ niệm êm đềm còn in trên giấy...); **Mùa Thu Yêu Đương** - Don Hồ & Ngọc Huệ song ca (Anh muốn đôi ta mãi như người tình. Vui đời hẹn hò. Khi bên giòng suối, khi trên đồi buồn. Nửa đêm thanh vắng điu đến công viên. Đôi trẻ lạc loài trên xác lá vàng. Mùa thu yêu đương...); **Tình Chết Cho Mùa Đông** - Elvis Phương hát (Chiều buồn ngồi một mình. Nhìn mây trôi mênh mang. Nhìn đôi chim lang thang, lang thang. Trời buồn người càng buồn. Trông mây nước thêm bàng khuâng. Nhớ em từng phút mong từng giây em ơi...)

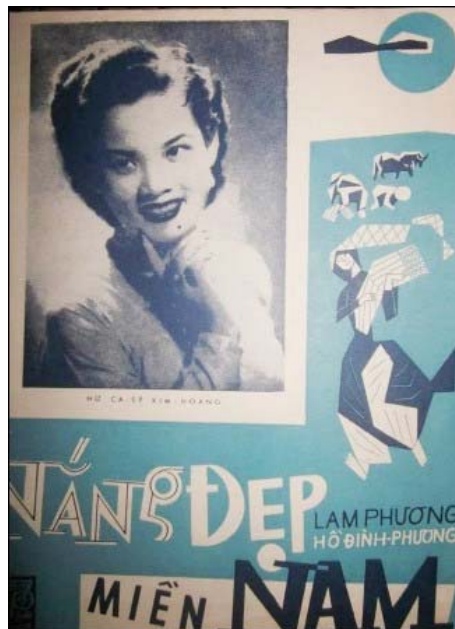
Gần đây, tôi tình cờ được nghe ca khúc “**Bài Thơ Không Đoạn Kết**” do Thu Phương trình bày (Em gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày xưa. Một nụ hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình yêu muôn kiếp thoáng mãi hương xưa. Và em gửi cho anh ánh mắt nôn nao đầu tiên ...). Nét nhạc đẹp

và có những chỗ kỹ thuật “lạ” mà Lam Phương cho biết là đã học hỏi được thêm khi ra hải ngoại.

Vào tháng 5, 2015, trong lúc sửa soạn cho một buổi họp mặt nhân dịp sinh nhật thứ 20 của Cơ Sở Cỏ Thơm, nam ca sĩ tài tử Xuân Thương vùng Hoa Thịnh Đốn muốn tham dự với bài "**Nắng Đẹp Miền Nam**" - Hoàng Oanh hát (*Đây trời bao la ánh nắng mai hé đầu ghènh lan dần tới đồng xanh. Ta cùng chen vai đem tay góp sức tăng gia cho người người vui hòa...*). Tôi lên internet tìm bản nhạc rời ấn hành trước 1975. Tuy có nhiều bài khác của Lam Phương nhưng không tìm ra "**Nắng Đẹp Miền Nam**"! Tôi buộc lòng viết email hỏi vài người quen. Đông Thương, một người bạn chuyên sưu tầm "nhạc xưa", cho biết bài này thuộc loại hiếm quý, khó tìm. Tôi chợt nghĩ không biết có phải là vì nội dung của bản nhạc nên "**Nắng Đẹp Miền Nam**" đã hầu như không còn tồn tại trong chiến dịch "tận diệt văn hóa phản động và đồi trụy của miền Nam" sau biến cố 30 tháng 4, 1975 chăng? Nhưng sau cùng, nhạc sĩ Nguyễn Tường Vân ở Maryland đã tìm được và gởi cho tôi bản nhạc, may mắn còn lưu trữ trong “thư viện” của cố nhạc sĩ Nguyễn Túc mà ông đem qua Hoa Kỳ trước 1975.

Những lần biên khảo về một nhạc sĩ, tôi có thể dễ dàng tìm được phần thu âm do ca sĩ trình bày nhưng nhiều khi không có bản nhạc "gốc" để kiểm chứng: 1/ lời ca sĩ hát có đúng với lời ca trong bản nhạc; 2/ nhịp điệu và nốt nhạc; 3/ quan trọng nhất: tác giả thật sự là ai? (có nhiều bản nhạc cùng chung tựa đề hay tài liệu trên internet viết sai); và bản nhạc được sáng tác chung với một tác giả nào khác hay không? Một số bản nhạc gốc còn in ở bìa mặt sau: ngày

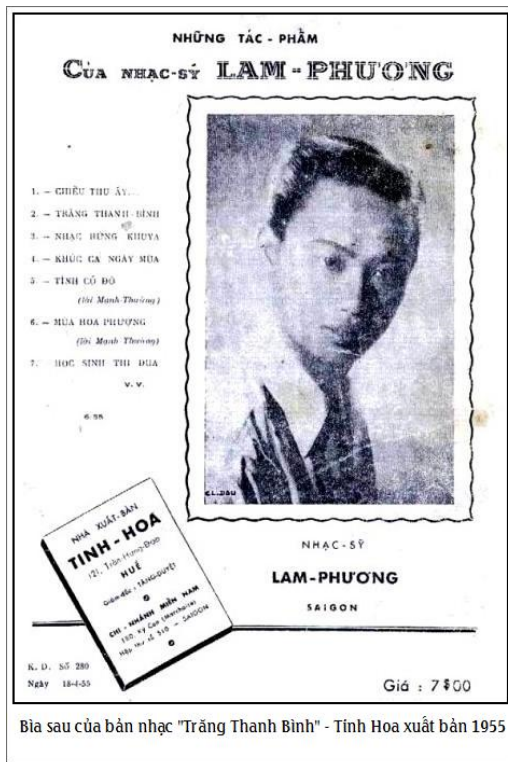
được kiểm duyệt, hình tác giả và những tác phẩm đã ấn hành ... đó cũng là những dữ kiện rất tốt cho biên khảo.



Hầu hết các nhạc phẩm của Lam Phương đều do ông viết nhạc và lời. Chỉ có một số ít bài như: "**Nắng Đẹp Miền Nam**" và "**Lá Thư Miền Trung**" được thi sĩ Hồ Đình Phương viết lời; "**Mùa Hoa Phượng**" và "**Tình Cổ Đô**" do Mạnh Thường viết lời...

Theo thiên ý, chỉ cần những ca khúc sáng tác trong những năm đầu (1952-1957) cũng đủ để tên tuổi Lam Phương được người đời biết đến và ca tụng, nhưng người nhạc sĩ nhà nghề vẫn nhả tư cho đến lúc sức khỏe không cho phép tiếp tục.

Để tạm kết thúc bài viết này, tôi xin được mượn lời của nhà văn, nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn phát biểu ngắn gọn về dòng nhạc Lam Phương:



Bìa sau của bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản 1955

“Con kênh đầy voi với thủy triều. Trước khi nước rút đi, nó phơi bày đến cả sự khô cạn, như một tấm lòng khi cho hết và cũng chẳng còn gì để che giấu.

Lúc thủy triều trở lại, kênh lại tràn đầy, nhậy bờ. Nhạc của Lam Phuong, tình ca của Lam Phuong đầy ắp cái cho đi đã hết và chờ đợi phút phục sinh để có thể cho đi thêm nữa...”

Thành thật tri ân Nhạc sĩ Lam Phuong đã đem niềm vui đến cho mọi người qua những sáng tác bất hủ. Cũng xin cảm ơn những người đẹp đã đi qua đời ông, tuy không “đi trọn đường tình” nhưng đã tạo nguồn cảm hứng đặc biệt làm thăng hoa tình ca Lam Phuong và làm phong phú nền tân nhạc Việt Nam.

Cầu mong Trời Phật ban cho ông bình yên như ông đã từng mong ước, cộng thêm sức khỏe, niềm tin và hạnh phúc.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA - 21 tháng 7, 2015)

Tài liệu tham khảo:

- Video Thúy Nga Paris 22, 28, 88, 102 về dòng nhạc của Lam Phuong.

- Nhạc của Lam Phuong được nhiều ca, nhạc sĩ thu âm và đăng ở một số website trên internet.

- Bài viết về Nhạc sĩ Lam Phuong của Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Văn Phúc, Nguyễn Ngu Í, Trương Kỳ ...

- Tập nhạc số 3 "Những bản tình ca của Lam Phuong - Tuổi Trẻ và Tình Yêu" - Nam Á xuất bản năm 1990.

- Tập nhạc số 4 "20 tình khúc của Nhạc sĩ Lam Phuong" - Thúy Nga xuất bản và phát hành năm 1992.

- Bản nhạc "Nắng Đẹp Miền Nam" - Tinh Hoa xuất bản năm 1957.

- Bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản năm 1955.

- Tiểu sử Lam Phuong – wikipedia

TẠP CHÍ CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Chiều Thu Ấy

RUMBA



Chiều Thu ấy ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai



nhìn mây bay, hồn l lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều Thu



ấy, nhìn nhau tay nắm tay. mắt hoe lệ trần. Buồn ngao



ngán. Nàng xa cách duyên tình ta ôi bể bàng



Ngày nào còn thơ, say sưa trắng mơ Nơi đây ta chung cùng vui sống.



Rồi ngày dần qua, duyên xưa phơi pha Trên sông êm lảng trôi đò

ngang Chiều Thu ấy, lòng say sưa ước mong chung xây mộng vàng.

Rồi hôm nay, nâng xa cách duyên tình ta ôi bể băng.

Mùa trăng mờ chiều Thu xa vắng. Sương tuyết rơi nơi lòng giá băng

Mùa vui êm những chiều say trắng. Nâng ôi, nâng ôi có thâu chăng?

Nhìn trăng mờ sâu vương năm tháng Duyên tình năm xưa. Hôn lằng lằng

lân hương Thu sang. Tình đời chán thay. Chiều Thu chóng phai tàn.

....ngán. Nâng xa cách duyên tình ta ôi nát tan.

(Ca khúc đầu tay “Chiều Thu Ấy” - trích từ tập nhạc “Lam Phương - Tuổi Trẻ & Tình Yêu”
- Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

Bài Thơ Không Đoạn Kết

Recitativo
(con amoroso)



Xin gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày



xưa. Một nụ hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình



yêu muốn kiếp thoát mãi hưởng xưa. Và



xin tìm cho anh ánh mắt nồn nao đầu tiên. Tìm dùm



anh câu kết lá số tơ duyên. Tình xuân xao thế mấy em ơi giờ



cũng ngủ yên. Từ ngày có em anh mong sao duyên êm

như lời thơ Đồi đá không cho anh xây trọn niềm
 mở. Một bài thơ yêu không đoạn kết.
 Một cuộc tình tan giữa sông Seine. Đồi buồn như đêm vắng không
 đèn. Thôi cũng đành. Thôi cũng
 đành. Xin gửi cho anh câu kinh vang trong hồi
 chuông. Và từ đây xa lánh phút giây yêu đương. Để câu
 kinh sám hối đưa anh vào cõi bình yên.

(Ca khúc “Bài Thơ Không Đoạn Kết” – trích từ tập nhạc “Tình Yêu Và Tuổi Trẻ” – Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

NẮNG ĐẸP MIỀN NAM

Ngâm : Miền Nam có nắng thanh bình
Có lòng lúa đẹp, có tình quê hương
Anh ơi ! mau sớm lên đường
Bình minh còn đợi, ruộng nương còn chờ...

NHẠC : LAM - PHƯƠNG

LỜI : HỒ-ĐÌNH-PHƯƠNG

Rumba

Đấy trời bao la ánh nắng mai hé
đầu ghềnh lan dần tới đồng xanh . . . Ta cùng
chen vai đem tay góp sức tăng - gia cho người người vui hòa .
— Đường cày hôm qua nay lên tràn bông lúa mới ôi duyên dáng đồng
oi ! Đến mai sẽ là ngày muôn hạt chín là-
loi : mình ngắm nhau cười . . . Kia đì
chim quê chim tung bay về đâu mang tin rằng giờ đây ta sống với bình
minh , Tiếng ca trong lành tiếng ngát lưng trời xanh đẹp biết bao tâm

tình | Tình là tình nồng thắm buộc lòng mình vào
 núi sông : tình mến quê - hương Ngàn bóng đêm phai
 rồi vầng dương lên soi đời làng ta nay rạng ngời ! Khi người
 lính chiến đã đấu - tranh hiến hòa - bình cho Đờng - Tháp Cà - Mau
 — Ta người nông thôn quên sương gió góp gian - lao lo được mùa mong
 cầu . Nhờ tình quân - dân gây bao niềm thương
 ấm cúng non sông đón bình minh , Gắng lên với
 ngày này ta cùng tươi đờng xanh rồi sống no lành .
 — Đây trời . . . lành . Đây quê hương thân yêu miền
 Nam nắng lên huy - hoàng đẹp mùa vui sang . . .

(Bản nhạc “Nắng Đẹp Miền Nam” - Tinh Hoa xuất bản - Huế, 1957)

LẦY CHỒNG XA

Phượng Lan

(Tiếp theo)

Trong lúc cha tôi mải mê với những mộng ước tưởng tượng, bác Cả để tâm lo cho tôi từ quần áo, đồ chơi, đến sách vở, cặp da để đi học, cả tiền quà bánh, hoặc thuốc men khi đau ốm. Năm tôi lên chín, học lớp ba trường làng, bác bảo tôi:

- Cháu chịu khó học cho giỏi, đậu xong tiểu học, bác cho ra Hà Nội học.

Được ra Hà Nội học là giấc mơ vĩ đại nhất của trẻ con ở trong làng thời bấy giờ, tôi nhìn bác bằng con mắt ngưỡng mộ và biết ơn. Có lần tôi buột miệng nói với mẹ:

- Ước gì cha cũng được như bác Cả, mẹ nhỉ?

Bà sợ hãi vội bịt miệng tôi lại:

- Đừng nói thế, cha con nghe được lại buồn.

Nhưng mẹ làm sao ngăn cấm được tôi có ý nghĩ so sánh giữa người cha quên bản phận và người bác có lòng, chăm lo, săn sóc cho tôi từng ly từng tí. Nhiều lúc tôi tự hỏi, liệu trong lòng cha có còn hình bóng của mẹ con tôi? Đạo này ông đi biệt cả ngày, lúc về ít khi nói chuyện với vợ con.

Để có tiền tiêu vặt, cha phụ với bà nội và cô Liên trông coi cửa hàng tạp hoá, ông làm sổ sách chỉ, thu, tính toán những món hàng có lợi. Mỗi tháng một, hai lần, ông đi Hà Nội hoặc các tỉnh lân cận để mua hàng về bán, đồng thời cũng đem những sản phẩm của nhà quê như bánh gai, bánh cốm đem bỏ mồi ở trên tỉnh. Những lần đi xa như vậy giúp ông khuây khoả.

Một lần sau chuyến đi, ông dẫn về nhà hai

người bạn, họ vào nhà kho đem những bức tranh ra ngắm nghía. Chẳng biết họ nói với nhau những gì, chỉ thấy cha vui lộ ra nét mặt, hy vọng thấp sáng trong ánh mắt.

Nhưng chỉ một thoáng, cha trở lại thái độ khép kín, ông dấu giếm chuyện riêng, không nói với ai. Những ngày sau đó, ông chỉ ở nhà, cầm chổi lau chùi các bức tranh, tô vẽ lại những chỗ phai màu, làm khung cho vài bức mới... Mẹ hỏi, cha trả lời vắn tắt:

- Sửa soạn cho cuộc triển lãm.

Ông nói với giọng cố làm ra vẻ bình thân, nhưng nhìn về mặt ông, mẹ biết ông hồi hộp lắm, có hoạ sĩ nào lại không hồi hộp lần đầu tiên mang những tác phẩm của mình đi triển lãm? Trước ngày khai mạc mấy hôm, cha thuê một chuyến xe ngựa, chắt lên đầy toàn bộ những bức tranh của ông, đem ra bến xe, chở đi Hà Nội. Ông nói với mẹ:

- Anh vắng nhà vài tuần, em đừng chờ. Hy vọng lần này bán được tranh, sẽ có ít tiền cho mẹ con em.

Ông ngưng lại, nhìn mẹ, nói với giọng tự tin:

- Hai người hôm nọ là những nhà phê bình đứng đắn, họ khen tranh anh đẹp và anh có thể thành công...

- Hai ông đó cũng là hoạ sĩ à?

- Ừ, họ là những người bạn tốt đã hết lòng khuyến khích, giúp đỡ, thuê hộ phòng triển lãm... Họ khuyên anh nên thử thời vận một lần xem sao.

- Phải đấy, mẹ vui về, bao giờ thì khai trương hả mình?

- Ngày mốt, nhưng anh phải đi sớm vì còn phải lo trưng bày và trang hoàng. Thôi, mình ở nhà, anh đi nhé.

- Khoan, đợi em một chút.

Mẹ nói xong chạy vụt vào nhà, một lúc sau trở ra, mẹ dúm cho ông tất cả số tiền dành dụm được:

- Mình cầm lấy mà tiêu, lên trên ấy lạ nước lạ cái, không có tiền khổ lắm.

Cha ngượng nghịu cầm tiền nhét vào túi:

- Anh sẽ trả lại cho mình, anh đi kỳ này về, mình sẽ có tiền.

Nói xong, ông cúi xuống hôn lên trán tôi, dặn dò:

- Trung ở nhà ngoan, hai mẹ con chờ bố về...

Ông nắm lấy tay mẹ xiết chặt, bịn rịn một hồi rồi mới quay bước. Đó là lần cuối cùng ông biểu lộ tình thương yêu với mẹ con tôi.

Hơn một tháng sau, cha mới trở về với nguyên đồng tranh cao nghệu. Lặng lẽ không nói một câu, ông đem tranh chất trở lại trong nhà kho. Mẹ nhìn cha, không đấu được về thất vọng, nhưng vẫn dịu dàng an ủi:

- Không sao đâu mình à, thua keo này ta bày keo khác...

Cha cúi gằm đầu, không trả lời. Không bao giờ tôi quên được nét mặt tuyệt vọng của cha lúc đó, nó biểu lộ một vẻ đau đớn, xấu hổ lẫn nhục nhã, thê thảm tới mức làm tôi rùng mình, linh cảm một chuyện chẳng lành sắp xảy tới. Quả vậy, mấy hôm sau, lựa lúc cả nhà đi vắng hết, ông khuan hết những bức tranh ra sân, chất thành một đống, châm lửa đốt.

Khi mọi người về đến nhà, bao nhiêu bức tranh tâm huyết cả một đời của cha chỉ còn là một đống tro tàn, còn cha thì biến mất cùng với một ít quần áo và những vật dụng cá nhân. Cha đã bỏ nhà ra đi biệt tích, không một lời từ biệt, ông đi luôn, không bao giờ trở về nữa.

Biến cố này làm mẹ đau khổ, mất hết

niềm tin vào cuộc đời, mẹ cạn nước mắt khóc cho duyên kiếp bẽ bàng. Thời gian đầu, mẹ gắng gượng chờ đợi, sau biết là hoài công, mẹ ngó ý muốn đem tôi về quê ngoại, nhưng bà nội không bằng lòng:

- Mợ muốn đi đâu tùy ý, nhưng thằng Trung thì phải ở lại, nó là đích tôn của gia đình này.

Cô Liên nói với về khinh miệt:

- Chị thì làm gì được để nuôi nó? lại không đói rã họng ra à? Đang yên ấm không muốn, lại cứ sinh chuyện... Chị ăn ở làm sao mà chồng cũng chán, đến phải bỏ đi? Thật đúng là không biết điều, cứ tưởng quý hoá lắm, chị đi đâu thì đi một mình.

Bác Cả cũng không đồng ý, tuy vẫn bênh vực mẹ:

- Con Liên chỉ được cái ác khẩu, đừng thèm cháp. Thím chẳng việc gì phải đi đâu hết, nhà này thím cứ việc ở, thằng Trung để tôi dạy dỗ, sau này nó sẽ thừa hưởng gia tài của tôi.

Mẹ thờ dài, chẳng phải vì ham gia tài mà ở lại, nhưng mẹ không thể bỏ trốn khi không biết đường đi nước bước và trong tay không có một đồng xu, cắc bạc. Tội nghiệp mẹ, một người đàn bà yếu đuối, nhút nhát, từ dạo theo chồng về làm dâu nơi xứ lạ, mẹ chưa bao giờ ra khỏi cái lũy tre làng... Có những đêm hai mẹ con ôm nhau thủ thỉ, mẹ khóc, nước mắt mẹ rơi ướt tóc tôi, mẹ nói mẹ ước mơ được về quê ngoại, dù chỉ một lần, nhưng mẹ không đành rời xa đứa con duy nhất. Tôi thương mẹ, chỉ biết ngoan ngoãn vâng lời và học thật chăm, mong một ngày nào đó có thể tự lập, tôi sẽ đem mẹ ra khỏi ngôi nhà không tình thương này.

Sau biến cố đó ít lâu thì chú Đức đột ngột xuất hiện, chú trở về nhà sau bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ. Chú Đức vẫn còn độc

thân, nghe nói có đạo chú mê một cô đào hát, hai người ăn ở như vợ chồng một thời gian rồi rã đám, đường ai nấy đi. Tính chú vốn lãng mạn, bay bướm, không muốn bị cột chân, chú chỉ thích cặp kè nay người này, mai người khác...

Cảm tưởng đầu tiên của tôi, chú là một người đàn ông còn trẻ và rất đẹp trai, ngoài cái chân đi hơi khập khễnh, chú vui tính, ăn nói bật thiệp, có duyên, đặc biệt chú có cặp mắt lãng lơ, nhìn ai là như thu hút lấy người đó. Chú bây giờ là một soạn giả danh tiếng, chuyên viết tuồng cho gánh bầu Thành, đồng thời cũng là diễn viên chính trên sân khấu. Tuồng của chú ăn khách nên tuy không giàu có, nhưng chú kiếm được khá bộn bạc, chú mua quà cho cả nhà và biếu bà nội một số tiền lớn. Trong khi cha tôi bỏ nhà ra đi trong thất bại, thì chú trở về trong vinh quang, mọi người vui vẻ đón mừng, nhanh chóng quên đi con người kém may mắn là cha tôi.

Chú Đức về, đem theo một làn gió lạ, căn nhà từ trước vẫn lạnh lẽo, nay ấm áp hẳn lên với những tiếng nói cười rộn rã, tiếng đàn hát và những câu pha trò dí dỏm, có duyên. Chú Đức cũng là một người lịch lãm, hiểu đời, chú cảm thông hoàn cảnh trái ngang của mẹ, nên thường nhìn bà bằng cặp mắt triu mến, xót thương. Đạo này mẹ hơi gầy đi, nét buồn tạo cho mẹ một vẻ đẹp nào nùng. Từ ánh mắt đầu tiên của chú khi nhìn mẹ, tôi thấy bà hơi giật mình, à phải rồi, cặp mắt đa tình của chú Đức có những nét phảng phất giống cha. Mẹ cúi mặt trốn tia nhìn như có lửa làm bà nóng ran cả hai má, khi xưa, ánh mắt đăm đúi của cha cũng đã làm mẹ phải bối rối như thế. Với bản tính lãng mạn, ảnh hưởng của những tiểu thuyết tình đợc thời còn con gái, mẹ vẫn muốn sống lại cái thuở

ban đầu. Nhưng đã từ lâu, ánh mắt nồng ấm của cha đã nguội theo với những thất bại trong cuộc đời của ông, mẹ thờ dài, cố nén những khát vọng xuống tận đáy lòng. Tôi nghiệp mẹ, mới hơn ba mươi tuổi đầu, ở tuổi này, người đàn bà nào cũng còn nhiều mộng mơ lắm.

Chú Đức và mẹ ít khi nói chuyện, thỉnh thoảng ra vào chạm mặt, chỉ trao đổi vài câu ngắn ngủi:

- Chào chị!

- Chào chú!

Có lần cao hứng chú thổ lộ với mọi người là chú đang sáng tác một vở tuồng mới có tên là *Lấy chồng xa xứ*, chú nói với mẹ:

- Chị là nguồn cảm hứng cho tôi sáng tác, chị giúp tôi diễn tả những cảm nghĩ của chị nhé?

Mẹ lắc đầu:

- Tôi thấy không tiện, tâm sự của tôi chú biết mà làm gì?

- Tôi hiểu, nhưng không sao cả, chị không nói tôi cũng có thể tưởng tượng được.

Là người sành tâm lý, chú hiểu rất rõ nỗi cô đơn của mẹ và chinh phục cảm tình của bà không mấy khó khăn. Hai người ngầm hiểu những ý nghĩ của nhau, tuy không ai nói ra, nhưng những ánh mắt lạng lẽ nhìn nhau đã nói lên một tình yêu câm nín. Mẹ làm việc quần quật suốt ngày, nhưng vẫn để ý săn sóc chú Đức một cách kín đáo, ngoài những món ăn hợp khẩu vị, phòng chú lúc nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp, quần áo được là ủi phẳng phiu.

- Tôi thấy chị vất vả quá! Chú nhìn mẹ ái ngại.

Mẹ cười buồn:

- Quen rồi, chú đừng lo cho tôi.

Nói xong, mẹ xoay lưng, đi thật nhanh ra khỏi phòng, chú Đức nhìn theo dáng đi liêu

xiêu của mẹ, thờ dài. Mẹ cố tránh gặp mặt chú, dường như mẹ sợ không chống lại được những cảm dỗ, và mẹ cũng sợ cả điều ong, tiếng ve. Tôi còn nhỏ, không hiểu được những bão táp trong lòng mẹ, chỉ biết là mẹ rất buồn.

Chú Đức gởi tâm tư vào tiếng đàn, lời ca. Chú có làn hơi phong phú và giọng ca trầm ấm, ngọt ngào. Những đêm trăng, chú thường đem đàn ra gảy, tiếng đàn réo rất quyện với lời ca, câu hò buồn nào nuốt:

Hồ ơ... Chim xa rừng còn thương mây nhớ cội

Người xa người tội lắm người ơi, hờ...

Chẳng tha không biết thì thôi

Biết rồi mỗi đũa mỗi nơi ơ...ơ... thêm buồn

Giọng hò của chú trầm trầm ngân dài, loãng tan trong ánh trăng, nghe như tiếng thở than. Tôi ngồi im, thả hồn vào dĩ vãng, sống lại thuở năm nôi, tiếng võng kẽo kẹt, tiếng mẹ ru ầu ơ ngọt ngào. Mẹ chảy nước mắt, quê mẹ miền Hậu Giang, làm sao mẹ quên được những tiếng hò trên sông nước?

Mùa hè qua nhanh, gánh bầu Thành sắp rời đi lưu diễn ở miền Trung, chú Đức phải đi theo đoàn, mẹ buồn, ra ngăn vào ngõ. Ngày chú sắp sửa từ giã lên đường, hai người lén lút bàn nhau:

- Tôi có thể đưa chị và cháu đi nếu chị muốn.
- Rồi dư luận sẽ ra sao?
- Cần gì dư luận, tôi đi kỳ này sẽ không về nữa.
- Chú long đong nay đây mai đó, làm sao cuu mang được mẹ con tôi?
- Ta cứ liệu đi trốn, tôi sẽ đưa chị về xứ.
- Tôi sợ lắm, rui không đi thoát thì hậu quả sẽ không biết thế nào mà lường. Lại nữa nếu mai kia anh chú sẽ về...
- Chị chờ đến bao giờ? tuổi xuân qua mau, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ già.

Mẹ thờ dài buồn bã:

- Đời tôi coi như bỏ đi, nhưng thằng Trung nó cần có cha... Bao lâu tôi cũng đợi.

- Chị quyết định như vậy là tùy ý chị.

- Dù sao cũng cảm ơn chú, mấy tháng nay tôi đã rất sung sướng, như thế cũng đủ.

Nói xong mẹ gạt lệ quay đi. Sau cùng mẹ đã chọn, mẹ chọn sự hy sinh, mẹ không nghĩ đến thân mẹ, mà chỉ nghĩ đến tôi, mẹ chỉ vì tôi...

Nhưng sự việc không êm đẹp như ý mẹ mong muốn, và một thảm kịch đã xảy ra. Bác Cả tỉnh ý nhận thấy những thay đổi của người em dâu, nên một hôm gọi mẹ lên phòng tra gan:

- Mấy lúc này thím buồn lắm, phải không?

Mẹ cúi đầu, cố tránh ánh mắt đầy quyền uy của người anh chồng:

- Anh tính từ ngày nhà em bỏ đi... Mẹ ngưng nửa chừng, nghẹn lời.

- Tôi hiểu, thím còn trẻ quá... Bác gặt gù, nhưng đừng làm điều gì đại dột, có chuyện gì khó nghĩ, thím cứ nói với tôi, may ra tôi có thể giúp.

- Thưa anh, không có chuyện gì cả.

- Thế sao mấy đêm nay thím mất ngủ? nhìn cặp mắt thâm quầng của thím, tôi hiểu ngay. Thím coi chừng người nhà để ý, bàn ra tán vào không tốt.

Mẹ giật mình sợ hãi, cái lối nói như đi guốc vào bụng người khác chứng tỏ bác đã hiểu tất cả. Quả vậy, bác nở một nụ cười mang nhiều ý nghĩa:

- Chuyện đó cũng là sự thường thôi, tôi thông cảm, nhưng đừng đi xa hơn. Thím phải nghĩ đến tương lai thằng Trung, nó cần được học hành tới nơi tới chốn, nó thiếu một người cha, và từ lâu tôi vẫn xem nó như con. Người long đong nay đây mai đó, đâu có thể lo cho nó được?

Bác quay sang tôi:

- Trung, nói đi cháu! có phải cháu vẫn muốn được làm con bác, phải không?

Tôi ngập ngừng, trước đây tôi vẫn ao ước có một người cha như bác, nhưng bây giờ tôi đã lớn, biết suy nghĩ, tôi nhìn mẹ buồn rầu:

- Con biết là mẹ thương con, nhưng mẹ cứ chọn con đường nào mẹ thích.

Bác hơi cau mày rồi cười nhạt:

- Cái thằng bé này cần phải uốn nắn lại, hy vọng cháu không phải là một người bạc bẽo. Quay sang mẹ, bác nói tiếp, tôi không tin là thím ngu ngốc mà đi nhầm đường. Thôi được rồi, bây giờ thím đi ra đi, tôi để cho thím suy nghĩ, tương lai của thằng Trung tùy vào sự lựa chọn của thím.

Mẹ ôm mặt rên rỉ:

- Tại sao tôi lại phải chọn? Trời ơi! tôi chỉ muốn yên thân, sao mấy người không để cho tôi yên?

Mẹ lao đảo đi ra, bà vấp ngã nơi ngưỡng cửa, bác Cả vội đưa tay ra đỡ, cả thân hình gầy gò của mẹ rơi gọn trong hai cánh tay của bác. Vừa lúc đó, cửa chốt mở toang, bà nội từ đâu xuất hiện, trước cảnh đó bà đứng ngây người vài giây rồi kêu rú lên:

- Mấy người làm gì thế kia? Trời ơi! sao lại có cảnh loạn luân như thế này xảy ra ngay trong nhà tôi hả trời?

Mẹ run rẩy, phải bám vào cánh cửa mới đứng vững, có trời mới hiểu được những oan khuất của mẹ. Tôi vội níu lấy áo bà nội, lấp bắp:

- Không phải đâu bà, mẹ cháu bị ngã...

Nhưng bà gạt tay tôi ra, quay sang mẹ, gần từng tiếng:

- Mợ vào đây làm gì hả? Kia, mợ nói đi chứ? nếu là người phụ nữ chính chuyên, sao mợ lại vào phòng một người đàn ông không phải là chồng mợ trong giờ này?

Nghe tiếng ồn ào, mọi người chạy cả lên, đứng lối nhỏ ngoài hành lang. Cô Liên liếc xéo mẹ, cười mỉa:

- Tôi tưởng chị mê anh Đức? thì ra tôi nhầm à? hay là chị định bắt cả hai tay? Hừm, đời thuở nào chồng mới đi vắng chưa đầy một năm mà chị đã dờ trò chim chuột ở ngay trong nhà, thật là nhơ nhuốc, xấu hổ.

Câu nói đó như đổ thêm dầu vào lửa, bà nội mặt phùng phùng lửa giận, trở mặt mẹ, quát:

- Con đi rạc! nhà có ba người đàn ông, mày định lấy cả ba à? Thứ đàn bà lằng lảnh như mày không thể để trong nhà, hãy cút ra khỏi nhà tao!

- Con sẽ đi... Mẹ tôi thù thào, nhưng lạy mẹ cho con đem theo cháu Trung, con không thể xa nó, con sẽ đưa nó về ngoại.

- Không được, thằng Trung là máu huyết của con trai tôi, chị không thể đem nó đi, tôi không muốn cháu tôi sống chung với người mẹ hư đốn là chị. Tôi ký hẹn ba ngày, chị phải rời khỏi nơi đây, nếu không tôi sẽ trình lý trưởng và làng nước sẽ gọt đầu bôi vôi chị.

- Van mẹ, đừng làm vậy, con chết mất.

Mẹ phủ phục xuống đất lạy, nhưng bà nội quay lưng, giằng lấy tay tôi kéo đi, tôi trì lại và gào lên, nhưng vô ích. Không bao giờ tôi quên được vẻ mặt thâm, tuyệt vọng, và ánh mắt ai oán của mẹ lúc nhìn theo tôi bị người ta kéo xềnh, lôi đi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà.

Tôi được gửi ở tạm nhà một ông chú họ, một tuần sau mới được về nhà. Nhưng về nhà là để đi đưa đám mẹ, bởi vì bà đã thất cổ tự tử chết ngay đêm hôm đó. Người ta đưa tôi vào nhìn mặt mẹ một lần cuối cùng trước khi nắp quan tài được đóng lại. Mẹ nằm im lìm, mình mặc áo nâu, hai tay chấp lại để trước bụng, tóc mẹ xoắn dài thành một

dòng đen nhánh, mặt mẹ tím bầm, còn in những nét hãi hùng. Cho đến lúc chết, mẹ vẫn chưa nguôi được oán hờn. Tôi vuốt cặp mắt vẫn mở trừng của mẹ, thì thắm khăn vải mẹ ra đi bình yên, lạ lùng thay, mắt mẹ khép lại và nét mặt trở nên thanh thản. Tôi nằm bên quan tài, ở với mẹ suốt đêm hôm đó. Sáng hôm sau, tôi đưa mẹ ra mộ, ở ngoài đồng, trời lất phất mưa phùn, lạnh và rất buồn, theo sau hai con bò kéo xe tang, chỉ có tôi và vài người hàng xóm. Bà nội bị con đột quỵ nằm liệt giường không đi được, nhưng còn bác Cả giàu có, đầy quyền uy, còn chú Đức, con người lãng mạn đa tình, háo thắng, chỉ thích đi chinh phục, và người cha vô trách nhiệm của tôi, đâu cả rồi? Họ là những người trực tiếp và gián tiếp gây ra cái chết của mẹ tôi, bây giờ tất cả đều chạy trốn, không ai lãnh trách nhiệm

cả, họ phủi tay trước cái chết đầy oan khuất. Thương cho mẹ một đời mệnh bạc, lúc chết lại phải gởi xương nơi xứ lạ.

Tôi bỏ nhà ra đi ngay ngày hôm sau, đem theo độc nhất có một tấm hình của mẹ. Qua bao nhiêu gian khổ, tôi lần mò tìm về quê ngoại. Phải mãi đến hơn mười năm sau, khi lớn khôn, tôi mới trở lại để thực hiện lời hứa cuối cùng trước quan tài mẹ là đem bà về quê. Ngủ yên nhé mẹ, bây giờ mẹ đã được về xứ rồi đó.

PHƯƠNG - LAN

- Trích trong tác phẩm Lấy Chồng Xa do nhà sách Tự Lực ở Garden Grove, CA phát hành)

- Nghe đọc truyện, xem video youtube, xin bấm vào Google: youtube lấy chồng xa

- Phương Lan.



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



LỄ HỘI CHÉM LỢN, ĐÂM TRÂU 'TRÁI LUẬT'

Nguyễn Thị Dương Hà

Từ năm 2000, dân làng Ném Thượng (tên cũ là Niệm Thượng), tỉnh Bắc Ninh đã khôi phục một lễ hội gọi là «lễ hội chém lợn» được tổ chức vào mùng 6 tháng Giêng âm lịch. Tại lễ hội này, những đao thủ được dân làng chọn ra chém những con lợn khỏe mạnh ra làm đôi trước đám đông, trong đó có cả trẻ em. Sau đó những người dự lễ lấy tiền nhúng vào máu lợn tung tóe trên mặt đất để cầu may. Theo dân làng, lễ hội là để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, thời Lý, đánh giặc ngoại xâm bị thua trận, chạy về vùng này và phải chém lợn rừng để nuôi quân.

Thế nhưng từ ba năm nay Tổ chức bảo vệ động vật châu Á (Animals Asia) đã phản đối quyết liệt lễ hội này khi gửi Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thông báo theo đó "việc chém những con lợn còn đang sống khỏe mạnh là một lối đối xử tàn ác đối với động vật, nó làm trở ngại cảm xúc của người xem khi chứng kiến cách thức động vật bị đối xử dã man, đặc biệt là đối với trẻ em, đối tượng có tâm lý chưa hoàn thiện ổn định và dễ bị ảnh hưởng." Quan điểm này ngay lập tức vấp phải phản ứng quyết liệt không kém của những người đại diện cho dân làng Ném Thượng và một số quan chức và nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Đại để lập luận của những người này như sau.



Những lễ hội "Chém Lợn Đâm Trâu" mang tính cách tàn ác với súc vật là một hủ tục. Không những vậy nó còn khuyến khích tính bạo hành của con người (Hình: Lao Động)

Thứ nhất, lễ hội tôn vinh một viên tướng chống ngoại xâm nên việc bỏ lễ hội sẽ tác động tiêu cực đến lòng yêu nước của người dân Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, lễ hội không dã man. Bà Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh phát biểu: "việc giết mổ không gây đau đớn cho động vật thì rõ ràng đâm trâu một nhát vào tim, chặt phăng thủ cấp lợn sẽ dẫn tới cái chết nhanh chóng hơn hẳn so với đưa chúng vào phòng hơi ngạt như phương Tây".

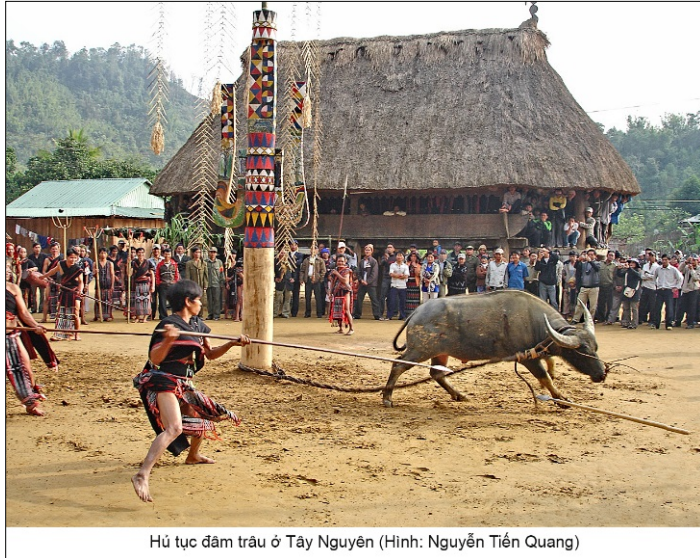
Thứ ba, phải tôn trọng tín ngưỡng. Giáo sư Trần

Lâm Biền cho rằng: "Máu đỏ trong tín ngưỡng nguyên thủy là biểu trưng cho sự sống, sinh khí. Vì thế, người dân làng Ném Thượng thực hiện nghi thức chém lợn để máu đỏ chảy ra sân đình nơi thờ Lý thành hoàng, là nhằm gợi ý với bậc thánh thần hãy mang sinh khí, sự phát triển đến

nơi đây. Phong tục này là để cầu may cho mọi người, nó vượt qua cả khái niệm đã man hãy không đã man. Văn hoá nếu chỉ nhìn hình thức có thể tưởng là đã man nhưng đằng sau lại là tính nhân đạo mệnh mông".

Thứ tư, bỏ lễ hội là ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa, làm nghèo văn hóa. Tiến sĩ dân tộc học, Đại biểu Quốc Hội Trần Hữu Sơn cho rằng: "Nếu cái nào cũng phải thay đổi theo cuộc sống mới thì còn đâu ra các phong tục và sẽ làm nghèo văn hoá." Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh có cùng quan điểm: "Nếu cái gì ta cũng thay thế thì dần dà chúng ta sẽ giữ lại được điều gì? Đồng bào Tây Nguyên thay vì đâm trâu thì đua trâu và nhân dân Bắc Ninh thay vì chém lợn sẽ vật nhau với lợn chằng?"

Thứ năm, đó là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp. Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam, khẳng định: "Không thể yêu cầu ban hành một luật lệ nào để áp vào việc tổ chức lễ hội truyền thống, để ngăn cấm người dân tổ chức lễ hội, quyền tiến hành các văn hóa truyền thống tâm linh là phụ thuộc vào suy nghĩ của người dân trong xóm, phường, làng xã đó".



Hủ tục đâm trâu ở Tây Nguyên (Hình: Nguyễn Tiến Quang)

'Lý lẽ thuyết phục?'

Vậy "cái lý" của những người bảo vệ "lễ hội chém lợn" có thuyết phục?

Theo Đại Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư, nhân lúc lòng dân chán Nhà Lý, khoảng năm 1207 Đoàn Thượng nổi dậy và đã nhiều lần bị đánh bại. Năm 1228, Đoàn Thượng bị sứ quân Nguyễn Nộn giết chết.

Như vậy, việc Đoàn Thượng thua trận, dạt về khu vực Ném Thượng hiện nay và phải săn lợn rừng để nuôi quân là có cơ sở. Ngược lại, thuyết Đoàn Thượng chống ngoại xâm là hoàn toàn bịa đặt vì đã không có "giặc ngoại xâm" nào, cụ thể là không có giặc nào đến từ nước Tống (Trung Quốc ngày nay) trong suốt thời gian Đoàn Thượng dấy binh. Nói cách khác, các cuộc chiến mà Đoàn Thượng tham gia đều là nội chiến giữa những người Việt.

Quan điểm coi việc chém lợn cũng như đâm trâu là việc giết mổ gia súc để làm thực phẩm và do đó không đã man là đánh tráo khái niệm. Thực vậy, việc giết gia súc như vậy là để mua vui cho đám đông, đúng như cái tên "lễ hội".

Trên thực tế, không có trường hợp nào là lợn bị "chặt phẳng thủ cấp" tức bằng một nhát đao hay trâu bị "đâm một nhát vào tim" để chết nhanh chóng cả. Ngược lại là chẳng khác, nhất là trong lễ đâm trâu, cái chết của con vật được kéo dài để người xem "thưởng thức". Thực tình chỉ riêng

những từ ngữ mà bà Đại biểu Quốc Hội Khánh dùng để mô tả cách giết chết các con vật đã đủ làm người nghe ghê rợn. Việc mua vui bằng cảnh giết chóc chỉ có thể là dã man, là tàn bạo.

Lấy tín ngưỡng để biện hộ cũng không thuyết phục. Bảo “lễ hội chém lợn” là để lấy máu cầu may vì máu đỏ là “biểu trưng cho sự sống, sinh khí” thì “sự sống, sinh khí” đâu chưa thấy mà đã thấy cái chết rình rập con người bởi chính tính hiếu sát mà lễ hội gieo mầm và kích động nơi người xem trong đó có trẻ nhỏ, vì suy cho cùng máu người cũng đỏ! Tóm lại, lễ hội chém lợn là man rợ, là thú tính, là ở cực kia của “tính nhân đạo mệnh mỏng” như lời lẽ của Giáo sư Trần Lâm Biền.

Còn nói bỏ “lễ hội chém lợn” là làm nghèo văn hóa thì đó là tư duy số học chứ không phải tư duy văn hóa. Văn hóa là “gạn đục khơi trong”, những gì tôn vinh và phát huy nhân tính, quyền con người hay mỹ tục thì được giữ lại, ngược lại là hủ tục phải bỏ. Nói cách khác, văn hóa song hành với các giá trị nhân văn. Bởi “lễ hội chém lợn” đồng nhất với hiếu sát, tức phản nhân văn thì việc loại bỏ nó chỉ có thể là đúng quy trình đào thải của văn hóa, của văn minh nhân loại.

'Không còn chỗ đứng'

Quan điểm “lễ hội chém lợn là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp” cũng sai nốt. Cần khẳng định ngay rằng lễ hội nói riêng, văn hóa nói chung không phải là một phạm trù “kín cổng cao tường”, chủ thể lễ hội không chỉ là những người đã tạo ra nó mà còn là những người chia sẻ nó. Trên thực tế “lễ hội chém lợn” chưa bao giờ được giới hạn trong khuôn khổ làng Ném Thượng, nếu không muốn nói được tổ chức nhằm thu hút người ngoài làng bao gồm cả người nước ngoài đến xem.

Do đó ý kiến phản đối lễ hội, nếu có, là sản phẩm tự nhiên của lễ hội hay sản phẩm nội sinh, tuyệt nhiên không phải là một sự can thiệp. Còn chính quyền địa phương hay chính phủ có ý kiến về lễ hội thì đó là thực thi chức năng quản lý xã hội miễn là ý kiến này phải dựa trên luật pháp và phù hợp với lợi ích chính đáng của toàn thể xã hội. Tóm lại, lối nghĩ “Phép vua thua lệ làng” không có chỗ đứng trong một xã hội hiện đại cai trị bởi luật pháp.

Cuối cùng, về quan điểm “lễ hội chém lợn” không vi phạm pháp luật thì người viết bài này khẳng định lễ hội này vi phạm Luật Di sản văn hóa (LDSVH).

Trước hết, theo Khoản 1 Điều 4 LDSVH lễ hội là di sản văn hóa phi vật thể, tức thuộc diện điều chỉnh của Luật này.

Tiếp đó, Khoản 1 Điều 12 LDSVH quy định: “Di sản văn hóa Việt Nam được sử dụng nhằm mục đích phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội”. Như vậy, “lễ hội chém lợn” và “đâm trâu” reo rắc tính hiếu sát hay kích động bạo lực rõ ràng đi ngược lại lợi ích của toàn xã hội và vì vậy là hủ tục.

Do đó, căn cứ Điều 25 LDSVH theo đó “Nhà nước bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong tổ chức và hoạt động lễ hội”, chính quyền tỉnh Bắc Ninh cần khẩn trương ra quyết định cấm việc tổ chức “lễ hội chém lợn”. Tương tự như vậy, chính quyền địa phương những nơi “lễ hội đâm trâu” diễn ra cần thuyết phục người dân từ bỏ tổ chức lễ hội đẫm máu, kích động bạo lực này bởi trong mọi trường hợp biện pháp hành chính chỉ nên là giải pháp cuối cùng.

Mặc dù “lễ hội chém lợn” cần bị loại bỏ nhưng không vì thế mà ta quay lưng với lịch sử của dân làng Ném Thượng. Như trên đã nói, tên cũ của làng Ném Thượng là Niệm Thượng và theo tôi, “Niệm Thượng” hẳn là cái tên mà người dân đặt ra để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, người có công khai khẩn vùng đất này cho dù ông đến đây là để lánh quan quân nhà Lý. Trên cơ sở này tôi đề nghị dân làng Ném Thượng tổ chức “Lễ hội Niệm Thượng” vào mùng 6 Tết nhằm tôn vinh công lao của tiền nhân trong hình thành xứ sở.

CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone.

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure.
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
Deçà, delà.
Pareil à la
Feuille morte.

Paul Verlaine (1844-1896)

Vài bài dịch:

Bài 1 - CA KHÚC MÙA THU

Đàn thu lê thê
Thổn thức đê mê
Lòng ta rã rượi
Điêu hiu não nề
Tê tái nghẹn ngào
Giây phút nao nao
Nhớ về ngày cũ
Dòng lệ dâng trào
Dấn bước trên đường
Cơn gió phũ phàng
Cuốn đi xào xạc
Lả tả tơ vàng

**Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
(Học giả Phùng Tất Đắc)**

Bài 2 - CA KHÚC MÙA THU

Cây vĩ cầm nức nở mãi
Xuyên tới tim
Vết thương đau nhói
Tiếng đàn thu uể oải
Râm rì
Buồn ơi là buồn
Lê thê

Ta tê tái nghệt thờ
Chuông đồng hồ điểm nhắc nhở
Lệ dâng dâng chan chứa hàng mi
Thế rồi ta ra đi
Cuốn theo chiều gió
Nay đây mai đó
Như chiếc lá vàng khô
Ác nghiệt thay
Ngọn gió thu

GS Thi sĩ Bằng Vân Trần Văn Bằng

Bài 3 - NHẠC THU

Nhạc thu buồn thảm lê thê
Vĩ cầm nức nở, não nề lòng ta.
Chuông reo gọi nhớ ngày qua
Nghẹn ngào, xanh mặt, lệ sa đôi bờ.
Ta đi như lá vàng khô
Nương theo tà gió, vật vờ đó đây.
Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Bài 4 - NHẠC THU

Nhạc thu êm nghe
Buồn thảm lê thê
Vĩ cầm nức nở
Lòng ta não nề

Tiếng chuông ngân xa
Gọi nhớ ngày qua
Nghẹn ngào mặt tái
Đôi bờ lệ sa

Như lá vàng khô
Ta đi bơ vơ
Nương theo tà gió
Đó đây vật vờ.
Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Về Thành ...

Ỡ NGUYÊN

Bố mẹ tôi quá tuyệt vọng về cuộc sống tại đất Thanh sau gần 6 năm trời xoay sở chật vật tìm kế sinh nhai. Bố mẹ đã mở hết quán ăn này đến quán ăn khác tại Hàm Rồng rồi lên đến Đầm. Cuối cùng cảnh thiếu thốn, neho nhóc vẫn không sao vượt qua được. Vì thế cho nên, khi gặp một gia đình người bạn rủ về Hà Nội, bố mẹ tôi đồng ý liền.

Bố tôi bàn với ông bà Liên nên ra đi lúc này - mùa hè năm 1951- là thời gian thuận tiện nhất, chắc sẽ không phải chống chọi với những trận mưa rừng, thác lũ khi đi xuyên qua vùng núi non hiểm trở. Vậy là cuộc hành trình khởi điểm từ thị xã Đầm, Thanh Hóa về Hà Nội được hoạch định ngay. Giờ chỉ còn một thời gian ngắn để sửa soạn hành trang. Cả hai gia đình, già trẻ, lớn bé gồm 11 người, ai nấy đều hăm hở chuẩn bị đem theo những gì cần thiết.

Mấy người lớn nói với nhau là phải đi bộ nhiều ngày, có thể cả tháng không chùng, mới về tới thành phố, chưa kể đến những điều bất trắc có thể xảy đến trong cuộc hành trình gian nan này. Chắc chắn không thể nào dùng xe lửa hay đường bộ thông thường như cách đây gần 6 năm khi gia đình chúng tôi tản cư từ Hải Phòng vào Thanh Hóa. Đường xe lửa và cầu cống đã bị phá huỷ từ lâu. Hiện thời, giao tranh giữa Việt Minh và Pháp vẫn đang tiếp diễn ngày đêm trên lộ trình này. Đoàn lữ hành chúng tôi sẽ phải vượt đèo băng suối là điều không thể tránh khỏi. Ngày đi đêm nghỉ. Lương thực đem theo gồm gạo rang, khoai khô, sắn khô, vừng rang và cơm nắm.

Bom đạn của Pháp vẫn tới tấp đổ xuống các căn cứ quân sự cũng như làng mạc của dân lành tại Chiến Khu Tư. Hàng ngày, chúng tôi đã chứng kiến cảnh bộ đội Việt Minh cũng như người dân vô tội chết, bị thương bởi bom Napalm của Pháp, nằm la liệt ở hai bên ven rừng, nơi chúng tôi đi qua. Người bị băng nơi đầu, kẻ ở chân tay. Có người bị cụt cả hai chân, máu me bê bết cùng mình. Họ rên xiết, lăn lóc vì đau đớn. Các nữ cứu thương, tay đeo băng chữ thập đỏ, băng bó vết thương cho nạn nhân. Phương tiện tải thương vẫn là cáng và võng. Nhìn cảnh tượng này tôi lại liên tưởng đến thằng em Đạt của tôi mà lòng những thương nhớ và xót xa quá đỗi. Máu vẫn chảy, ruột vẫn quặn đau! Ai đã gây ra cảnh huống này! Tôi đã thấy tận mắt, đã nghe tận tai những gì xảy ra cho người dân Việt Nam mình. Lúc đó tôi cảm thù thực dân Pháp đến tận xương tủy.

Mặc cho bom rơi lửa cháy, đoàn người hồi cư chúng tôi vẫn tiếp tục nhập bọn với những toán bộ đội Việt Minh, xuyên qua rừng qua suối, di chuyển không ngừng. Núi Ba Vì lúc đó là căn cứ then chốt của bộ đội du kích kháng chiến. Chúng tôi sẽ phải đi ngang qua đây, quả là một sự thử thách cam go, sinh tử. Để tự an ủi và giữ vững niềm tin, mọi người chỉ còn biết cầu Trời, khẩn Phật mong sao cho sớm thoát ra khỏi vùng lửa đạn.

Trên đoạn đường đi qua, chung quanh vẫn là núi non trùng trùng điệp điệp, rừng rậm xanh um, bát ngát, bao la. Những tàng cây cổ thụ chằng chịt lá phủ kín những con đường mòn, trải dài dưới chân chúng tôi. Chúng tôi không nhìn thấy trời xanh mây trắng hay ánh nắng rọi qua kẽ lá, chỉ trừ khi đi qua những đoạn đường không có bóng cây. Bởi vậy, nếu không có "chỉ điểm" mà người ta gọi là "Việt gian" thì không thể

nào máy bay Pháp phát hiện được mọi sự di động ở phía dưới đất để thả bom.

Trong chuyến hành trình này, ngoài gia đình chúng tôi và gia đình ông bà Liên, còn có nhiều gia đình khác nữa. Không biết họ khởi hành từ đâu nhưng bây giờ đã nhập vào nhóm của chúng tôi, hợp thành một đoàn người đông đảo, lũ lượt theo chân nhau miệt mài dẫn bước. Cũng như gia đình nhà tôi, họ là những người tản cư từ thành thị năm 1946 khi Việt Minh nổi dậy chống Pháp, tất cả giờ muốn trở về quê hương bản quán. Có lẽ chính quyền Việt Minh biết mọi người tìm đường về thành nhưng làm ngơ. Họ không thể nào ngăn cản được làn sóng người đi tìm sự sống. Nền kinh tế ở chiến khu Tư lúc bấy giờ quá kiệt quệ và suy sụp. Không ai muốn kéo dài cuộc sống khổ cực thêm mãi được. Ai cũng biết rằng ở lại trong Chiến Khu Tư chắc chắn sẽ không tránh khỏi cảnh dở sống dở chết vì thiếu ăn thiếu mặc, hoặc không chết vì đói thì cũng chết vì bom của Pháp.

Có nhẽ trời thương đám người hồi cư chúng tôi, nên cho dù dầm mưa giãi nắng, lặn lội trong rừng sâu, thiếu lương thực, phải uống nước suối cả gần tháng trời mà không ai bị đau ốm hay sốt rét ngã nước. Ngay cả các cụ già như bà ngoại tôi, mẹ bà Liên cùng mấy đứa trẻ nhỏ như thằng Đức con trai của ông bà Liên và Khôi em tôi, đều khoẻ khoắn bình thường. Thực là kỳ diệu! Trung bình mỗi ngày đi bộ tới gần 8 giờ đồng hồ. Đêm xuống, người người đều rã rời, mỏi mệt. Khi mặt trời lặn, đoàn lũ hành buộc lòng phải dừng chân để nghỉ lại trong mấy túp nhà sàn, mái tranh vách lá của người Mường, người Mọi. Những đêm ngủ trong rừng là những đêm chị Mai tôi sợ nhất. Chị sợ thú rừng nên cố xen vào giữa mọi người để nằm cho yên ổn. Bố tôi và ông Liên sáng ra phải điếm danh mọi người

trong hai gia đình xem có thiếu vắng ai không? Ở giữa chốn rừng rú hoang vu, vắng vẻ như thế, biết sao mà lường được những bất trắc có thể xảy ra. Chẳng hạn như bị chặn đường cướp bóc, lúc đó cũng đành bó tay chứ còn biết kêu gọi vào đâu. Thực là sợ. Cũng có lần đoàn lũ hành chúng tôi đi qua các khu làng ở rải rác ven rừng, mọi người được dịp nghỉ ngơi cho giãn gân giãn cốt và được ăn uống ngon lành vì mượn được nồi niêu để nấu nướng. Về tới đoạn này, tôi chợt nghĩ tới cảnh mọi người phải cố ăn những miếng cơm bị dính dầu hoả (dầu hôi). Nguyên do là túi gạo tẻ mà bố mẹ tôi đem theo không hiểu sao bị cây đèn dầu đổ vào, đem đi vo đi đãi không sao hết mùi, nếu đem đổ gạo này đi lấy gì mà ăn, nên ai nấy đều phải nhắm mắt bịt mũi mà nuốt.

Rồi cuộc hành trình lại tiếp tục...

Trước khi tới được tỉnh Phủ Lý, chúng tôi phải đi dò ngang qua một con sông khá rộng từ vùng Việt Minh chiếm đóng để đến vùng Tề, khu vực thuộc quân đội Pháp kiểm soát, phía bên kia sông. Qua được sông, lên được bờ bên này mới biết mình thoát chết. Bố mẹ tôi nghe người ta nói lại như vậy, vì trước đó vài ngày, đã có nhiều gia đình hồi cư bị trúng đạn khi qua sông trong lúc đang có giao tranh giữa Pháp và Việt Minh.

Vào một buổi sáng đẹp trời, đoàn lũ hành chúng tôi đã đến được đích. Chúng tôi đã có mặt tại tỉnh Phủ Lý mà lúc đó người ta gọi là vùng "xôi đậu", "vùng tề" hay "đình tề". Mọi người bấy giờ mới cảm thấy như được hồi sinh. Và giấc mơ về thành của chúng tôi đã thành sự thật.

Như đã có lần tôi đề cập tới, bố tôi lúc xưa đã từng làm việc với người Pháp nhiều năm nên cụ thông thạo Pháp ngữ khỏi chê. Vậy nên khi vừa đặt chân tới tỉnh Phủ Lý

bố tôi được dịp xỏ tiếng Pháp với các viên chức tại đây khiến họ cũng nê nang. Họ đã dành mọi sự ưu ái cho gia đình chúng tôi. Tại đây chúng tôi nhận được quần áo cứu trợ để thay thế những quần áo đã mặc cả tháng nay trong suốt chuyến hành trình vừa qua. Ngoài ra họ còn cấp đỡ những vật dụng cần thiết như đồ ăn hộp, sữa đặc, ba-tê, súc xích, bánh bích qui, xà phòng, thuốc đánh răng, bàn chải v.v... Thôi tha hồ mà ăn mà tắm gội thoải thể sau những ngày lặn lội trong rừng. Tôi có cảm tưởng một ngày phải tắm đến 2, 3 lần mới gột rửa được hết lớp bụi đường dính trên người hàng bao nhiêu tuần lễ! Qua sự giúp đỡ và chăm sóc ân cần của cơ quan tiếp nhận người hồi cư của Pháp, quả thực tôi đã quên hẳn chuyện thù ghét Pháp mà lúc còn ở Chiến Khu Tư tôi đã nguyện rửa họ thậm tệ!

Sau khi hoàn tất mọi thủ tục giấy tờ tại Phủ Lý, gia đình chúng tôi theo làn sóng người hồi cư tìm về Hà Nội. Lần này mọi người không phải đi bộ nữa. May quá! Cả nhà đáp xe ca về thành phố.

Ngày xưa chúng tôi đã từng sinh sống ở thành thị, vậy mà mới có gần 6 năm xa chốn phồn hoa, nay trở về đây, ai nấy cũng đều ngỡ ngàng, ngỡ nghêch như mán rừng. Ngó lại những tấm ảnh ngày đó trông ai cũng ngỡ ngàng đến tức cười. Nhìn ánh đèn điện đủ màu, nhìn mấy ông lính tây Lê Dương cặp tay các cô gái Việt Nam môi son má phấn, nói cười toe toét, ăn mặc lòe loẹt, giày cao gót, tay sách ví đầm, tóc phi dê quần teo, nhìn lại mình mới thấy quá là quê mùa, kịch cỡm, hết chỗ nói. Rồi khi nghe mấy cô me Tây, người ta gọi như thế, chuyện trò bí bô với mấy ông Tây mũi lõ mà phục quá. Tôi nhớ, lúc ấy tôi mới độ 12 tuổi nên còn ngỡ ngàng, khờ khạo chẳng giống ai. Hôm ấy cả nhà phải đi chụp ảnh để lấy thẻ căn cước. Tại tiệm chụp ảnh tôi

nhắc thấy một lọ Brillantine để cạnh tủ gương mà người ta dùng để bôi lên tóc cho bóng mượt. Trông trước trông sau không có ai, tôi vội quệt một ít lên đầu ngón tay rồi bôi vội vàng lên quần áo cho thơm, nghĩ đó là nước hoa. Sau này biết ra, tôi thấy mình quê ơi là quê!

Thời gian định cư ở Hà Nội quá ngắn ngủi nên tôi không có nhiều kỷ niệm như khi xuống Hải Phòng và vào Nam sau này. Tuy nhiên có một vài sự kiện xảy ra cho tôi tại Hà Nội mà mỗi lần nghĩ tới tôi không sao nhịn được cười bởi cái sự ngây dại của mình. Tôi muốn nói đến một mẩu chuyện về "*nhảy tàu điện*"... Lúc mới hồi cư về Hà Nội, bố mẹ tôi thuê một căn phòng tại chợ Con Bò trên phố Cát Ninh, khu ngoại ô thành phố. Những ngày không đi học tôi thường rong chơi với mấy đứa trẻ con hàng xóm rù rê, la cà ra tận Hồ Hoàn Kiếm hay lên khu phố Tràng Tiền để xem cinéma lậu tại sở Thông Tin Văn Hoá của thành phố. Hay có khi theo chúng bạn đi xem lễ rước đèn đêm Trung Thu, xem đốt pháo bông trước nhà Thủy Tạ, dọc theo những con phố nhỏ bao quanh Hồ Gươm. Len lỏi vào trong đền Ngọc Sơn xem người ta xì xụp lễ bái. Chúng kiến cảnh "thân kim qui" nổi trên mặt hồ. Vào thời kỳ đó xe cộ không đông đúc như sau này. Chưa có xe taxi, ô tô cũng ít ỏi, hầu hết là xe tay có người kéo và xe đạp thì vô số kể. Xe điện lại rất thịnh hành. Những người buôn bán tại các chợ Sắt, chợ Hôm, chợ Đồng Xuân đều dùng phương tiện xe điện. Những lúc loanh quanh ở gần Hồ Hoàn Kiếm với bạn bè tôi đã thấy nhiều đứa trẻ chừng tuổi tôi hay nhảy lên xe điện khi xe đỗ tại bến, đến khi xe chạy được một quãng, tụi nó mới nhảy xuống, trông thấy lạ quá, thích thú quá. Đầu óc tôi tự nhiên nảy ra một sự tò mò và muốn thử học cái lối nhảy tàu điện như

chúng xem sao. Thế là có lần tôi leo lên một chiếc xe điện như thế đang đậu ở gần Hồ Gươm mà trong túi không có lấy một xu, vậy mới gan dạ và liều lĩnh chứ! Đến lúc xe điện chuyển bánh tôi nhón nhác lo sợ vì mình không biết xe này sẽ chạy đi đâu? Mà nhảy xuống lại không dám. Hóa ra xe chạy tới chợ Đông Xuân. Sợ quá, tôi không biết mình sẽ phải đáp xe nào mà về nhà. Đang suy nghĩ và lo lắng, ông soát vé xe điện chợt xuất hiện, hỏi vé... tôi sợ quá đến phát run lên, oà khóc! Trống ngực đập thình thình. Tôi trả lời ấp úng vì không có tiền để trả tiền vé khi ông ta gặng hỏi. Ông ta còn dọa sẽ đưa tôi về bót Cảnh Sát, lại càng làm cho sự sợ hãi của tôi tăng thêm. Giữa lúc ấy, mấy bà lái buôn tại chợ Đông Xuân đang ngồi cạnh mấy chiếc lồng gà, lồng vịt hôi hám cùng quang gánh ngồn ngang, nhìn tôi ái ngại và có nhẽ họ tội nghiệp cho sự ngu xuẩn của tôi nên có một bà đứng ra trả tiền vé xe điện cho tôi, bảo tôi từ nay đừng dại dột mà nhảy xe điện như thế rất nguy hiểm, có khi còn gãy chân gãy cẳng nữa. Rồi bà ta lại còn trả tiền vé xe điện lượt về cho tôi. Tôi mừng quá và cảm ơn bà ta rối rít. Thời gian đã qua thật lâu rồi, nhưng người đàn bà gia ân cho tôi ngày ấy dù gì cũng là ân nhân trong ký ức của tôi, ngay từ khi tôi còn nhỏ dại. Sau này câu chuyện đó đã nhắc nhở tôi đến việc đền ơn, cũng như gia ơn cho bất cứ ai trong quãng đường đời tôi trải qua.

Nhớ lại khi ở trong Nam, có lần ra thăm bố tôi lúc đó đang làm việc cho một công ty xây cất doanh trại cho phái bộ cố vấn Mỹ tại Sông Cầu ngoài miền Trung. Ngày trở về Saigon, tôi đáp xe lửa trên một chặng đường dài khoảng 2, 3 giờ đồng hồ. Khi xe lửa ngừng lại ở ga Sông Mao, trước khi tới ga Biên Hoà, tôi gặp trường hợp một hành khách đi xe lửa mà không mua vé, y như

cảnh "nhảy tàu điện" của tôi trước kia. Ông soát vé xe tiến gần lại một người hành khách mù, tôi đoán vậy, đang quờ quạng ở một góc tàu, đôi mắt kính đen xậm lông trên khuôn mặt đen đúa, óm yếu của ông, một tay ông cầm cây đàn nhị, vai đeo một cái túi vải nhỏ, tay kia cầm một cây gậy. Ông ta đứng không xa chỗ tôi ngồi là mấy nên tôi đã để ý quan sát, không phải vì tò mò mà chỉ là một cử chỉ bình thường tự nhiên thôi. Bỗng tôi nghe người soát vé hỏi người đàn ông này cho xem vé. Cử chỉ lưỡng lự, lời nói rụt rè lắp bắp, ông ta nói với người soát vé:

- Ông ơi đã tới ga Biên Hoà chưa? Tôi sẽ xuống ở ga này.

Người soát vé gằn giọng:

- Chưa tới... Nhưng vé đi xe lửa của ông đâu?

- Thưa ông, tôi không mua vé. Tôi không có tiền ...

Tôi tặc nguyện, xin ông cho tôi đi nhờ, người khiếm thị trả lời

Người soát vé dường như không quan tâm đến câu trả lời của người hành khách, nên vẫn đặt câu hỏi.

- Vậy ra từ sáng tới giờ ông lên xe mà không có vé, ông đi xe lửa lậu hả? Ông phải xuống ngay ga này đi. Vừa nói ông ta vừa đẩy người khuyết tật này ra lối cầu thang nơi cửa xe đi xuống. Từ nãy tới giờ tôi đã theo dõi mẫu chuyện giữa hai người. Tự nhiên, tôi thấy thương cảm cho hoàn cảnh của người hành khách này, nên đứng phất dậy và tiến gần lại người soát vé:

- Xin lỗi, tôi muốn biết tiền vé xe mà người đàn ông này phải trả là bao nhiêu?

- Tiền vé là ... đồng, người soát vé cho tôi hay qua ánh mắt ngạc nhiên của ông ta.

Sẵn trong ví có dư số tiền này, tôi mạnh dạn đưa trọn tiền vé xe cho người kiểm soát vé. Ngay lúc đó tôi quay sang

người đàn ông mà tôi vừa giúp đỡ:

- Thôi, chú cứ ngồi lại trên tàu cho tới ga Biên Hoà mới phải xuống, tôi đã trả tiền vé xe cho chú rồi, đừng lo.

Lúc ấy, tôi cảm thấy mặt và hai tai mình nóng bừng, vì chung quanh tôi có nhiều cặp mắt của người lớn đang nhìn tôi ngạc nhiên. Tai tôi như ù đi, nhưng tôi vẫn còn nghe được lời cảm ơn chân thật của người nghệ sĩ hát rong khiêm thị ấy.

- Xin đội ơn cô. Xin Trời Phật phủ hộ độ trì cho cô. Nếu không có cô giúp đỡ chắc chắn tôi phải xuống ở ga này.

- Chú yên tâm đi, mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi, tôi nói với ông ta như vậy.

Thực hiện được điều này tôi cảm thấy sung sướng ghê gớm, đầu óc nhẹ nhõm khoan khoái làm sao! Phải chăng đây cũng là tâm niệm của tôi ngay từ khi tôi được người đàn bà bán gà trên chuyến xe điện tại chợ Đồng Xuân ngày nào đã đứng trả tiền vé xe cho tôi hay chính vì lòng từ tâm và cảm thông cảnh ngộ đã khiến tôi hành động như vậy.

Trở lại câu chuyện hồi cư về thành năm 1951. Cuộc sống bắt đầu tại Hà Nội của gia đình tôi vẫn vất vả như bao giờ. Tôi rất quan tâm đến sự túng quẫn của gia đình mà bố mẹ tôi phải đối diện. Thời gian đó, những khu nhà đi thuê nơi chúng tôi ở thiếu thốn đủ mọi tiện nghi nên tôi phải đi gánh nước về cho cả nhà dùng. Tôi chưa đủ sức gánh 2 thùng sắt tây nước nên chỉ gánh được nửa thùng. Biết vậy, mẹ tôi mua cho một đôi thùng thiếc dung tích bằng nửa thùng sắt tây để không quá nặng cho tôi. Một cái đòn gánh xinh xinh vừa cho

đôi vai bé nhỏ của tôi. Tôi thích lắm, có lẽ tôi đã quen với công việc lao động này thì phải. Ngày nào cũng vậy, đi học về, tôi xắn quần lên tới háng, hí hửng quẩy đôi thùng ra máy nước đầu đường, xếp hàng đợi tới lượt mình. Tôi phải gánh đến mười mấy lần mới đổ đầy thùng phi lớn. Hàng xóm đôi khi cũng nhờ tôi đổ nước cho họ và trả tiền công. Cũng vì đi chân đất gánh nước nên hai gót chân của tôi bị nứt nẻ đến chảy máu về mùa lạnh chẳng khác gì hồi ở Thanh Hoá. Bố nói số tôi vất vả có lẽ cũng đúng. Tôi có anh, có chị mà không hiểu sao bao nhiêu việc nặng nhọc trong nhà như chẻ củi, gánh nước và giặt giũ áo quần tôi đều tự nguyện làm hết. Có thể thời gian cực khổ ở Thanh Hóa đã luyện tôi thành con người siêng năng, chịu đựng và lam lũ do đó tôi không nề hà làm bất cứ việc gì cho gia đình mình.

Sau hơn một năm tạm cư tại Hà Nội, bố tôi quyết định trở lại thành phố cảng Hải Phòng. Anh em chúng tôi đã bị thiệt thòi quá nhiều trong thời gian chạy loạn cùng những tháng ngày di chuyển bất định nên việc học hành bị gián đoạn, dở dang. Giờ thì tạm yên, chúng tôi bắt buộc phải tiếp tục việc sách đèn. Riêng tôi, luôn luôn ấp ủ ước mơ của mình là một ngày nào đó tôi sẽ học hành giỏi giang và đỗ đạt, để có cơ hội đỡ đần bố mẹ qua khỏi cảnh bần hàn mà hình như ông trời đã xếp đặt cho gia đình chúng tôi, nhưng... phải đợi đến ngày nào đây?

(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức")

Ỗ Nguyên

Maryland, August 2015



THIÊN THU HÔN BÓNG

Thu đi rồi thu lại về
Cùng trắng má tựa vai kề hứng hoa
Sao người còn bỏ mình ta
Tối ôm hương nhớ sáng ra khói ngày

Đau lòng gió cuốn chim bay
Run vòng tay đối tóc dài ngây thơ
Đường say ngổ tình bao giờ
Con tầm đứt ruột xác xơ không đầu

Tiền bồng chỗ cũ biết đâu
Hôn mê cung cấm bắc cầu đèn yêu
Vòng lưng đòi sớm mộng chiều
Chân trời góc bể dâu diu nhau trong

Chim quỳên nhớ trái nhãn lồng
Lia thia thương chậu mưa hồng trần ai
Tìm trầm ngậm ngải đầu thai
Thiên thu hôn bóng liêu trai câu thề

Thu đi chưa thu vội về
Cùng em má tựa vai kề bướm hoa
Sao hôm mình sao mai ta
Tối ôm gối sách sáng ra chờ ngày

MD.07/24/15

Luân Tâm

CHIỀU THU TÍM

Chiều thu tím rơi rơi muôn lá vàng,
Lòng vương vấn dang tơ sầu mênh mang.
Quê xưa làng cũ bao tình lưu luyến,
Ngày ấy chia xa mỗi duyên bể bàng.

Màu mây xám lênh đênh nơi cuối trời,
Làm sao nhắn theo mây buồn viễn khơi?
Bên cầu soi bóng, nhấp nhô làn sóng,
Mưa thu hiu hắt, gió thu tươi bời.

Chiều thu đứng bên sông nghe gió về,
Lòng viễn khách tha hương buồn tái tê.
Nơi xưa, còn có ai người mong nhớ?
Tàn giấc mơ hoa đành lỗi câu thề.

Chiều thu tím nhắc chi lời ước nguyện,
Đời phiêu lãng biết đâu tìm hương duyên.
Chim trời vỗ cánh bay về xa tít,
Làm ơn cho nhắn đôi câu hàn huyên.

Chiều thu tím bơ vơ theo bước về,
Niềm thương nỗi nhớ xót xa tình quê.
Đường dài sương gió mơ cùng năm tháng
Cành thu trút lá ru hồn đê mê.

(Paris, 10/08/2015)

Nguyễn Mây Thu